

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (PINACO).

Mặc dù năm 2018 tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn biến hết sức phức tạp, khó lường. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung xảy ra làm cho kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng, điều này tác động đến nền kinh tế nước ta. Trước tình hình trên Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, đề ra các chính sách linh hoạt liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với những nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty và sự lãnh đạo quyết liệt, hiệu quả của Ban điều hành cho nên năm qua các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế đều vượt kế hoạch. Tổng doanh thu đạt 3.273,58 tỷ đồng, tăng 9,12%, lợi nhuận trước thuế đạt 197,33 tỷ đồng, tăng 36,09% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm.

Năm qua PINACO tiếp tục đạt danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng cao, top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam, thương hiệu quốc gia lần thứ 4 liên tiếp. PINACO là nhà tài trợ chính cho giải AFF Suzuki Cup 2018, thông qua đó thương hiệu của Công ty được quảng bá không chỉ tại Việt Nam mà cả khu vực ASEAN, nâng thương hiệu lên tầm cao mới. Bên cạnh đó, Công ty còn tích cực thực hiện các hoạt động xã hội, từ thiện hướng đến cộng đồng. Những kết quả đạt được trong năm 2018 chính là động lực và là tiền đề để PINACO tự tin hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

PINACO cam kết luôn đem đến cho khách hàng, người tiêu dùng các sản phẩm chất lượng cao và thân thiện với môi trường, xứng đáng với danh hiệu “Thương hiệu quốc gia đại diện cho ngành Pin và Ác Quy”.

Chúng tôi cam kết thực hiện chính sách chất lượng :

- Hướng tới khách hàng : Đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, cung cấp đầy đủ và kịp thời những sản phẩm có chất lượng ổn định, giá cả phù hợp.
- Thị trường nội địa là sống còn, thị trường xuất khẩu là phát triển.
- Tuân thủ pháp luật, đảm bảo cải tiến liên tục nhằm mục tiêu hiệu quả và minh bạch trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Cổ đông, Người lao động, Doanh nghiệp, Khách hàng và Cộng đồng.

Đối với vấn đề môi trường, chúng tôi cam kết :

- Tuân thủ pháp luật, các quy định và yêu cầu khác về môi trường có liên quan.

- Thiết lập, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý môi trường phù hợp nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.
- Truyền đạt chính sách môi trường đến từng nhân viên, các nhà thầu và các bên liên quan nhằm đảm bảo sự tham gia của mọi người.

Một lần nữa thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Nhà phân phối và toàn thể Người lao động đã hợp tác, đoàn kết, chia sẻ những khó khăn, làm việc hết mình vì sự phát triển của Công ty. Đặc biệt, xin gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng về sự tín nhiệm và tin dùng đối với sản phẩm PINACO.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHẠM THANH TÙNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Thông tin khái quát:

- **Tên công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
- **Tên tiếng Anh:** DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt:** PINACO
- **Giấy CNĐKKD:** Số 0300405462 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 23/09/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/08/2016
- **Vốn Điều lệ:** 464.717.070.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi tư tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng)
- **Trụ sở chính:** Số 321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM
- **Điện thoại:** (028) 3920 3062 – 3920 3063
- **Fax:** (028) 3920 3060 – 3920 3061
- **Email:** pinaco@pinaco.com.vn
- **Website:** www.pinaco.com
- **Mã cổ phiếu:** PAC
- **Niêm yết tại:** Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

- **Năm 1976:** Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam (PINACO), trước đây là Công ty Pin Ắc quy miền Nam, được Tổng cục Hóa chất (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) quyết định thành lập vào ngày 19/04/1976 trên cơ sở quốc hữu hóa toàn bộ các nhà máy : Pin Con Ó (Vidopin), Pin Con Mèo, Pin Hột Xoàn, nhà máy bình điện VABCO và nhà máy bình điện VIDEKO.
- **Năm 1993:** Ngày 25/05/1993, theo Nghị định 388 của Chính phủ về việc thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước, Bộ Công Nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) ra quyết định số 304/QĐ/TCNSĐT thành lập lại Công ty Pin Ắc Quy Miền Nam (PINACO) trực thuộc Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam.
- **Năm 1998:** Từ năm 1998, PINACO bắt đầu thực hiện liên tục đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới.
- **Năm 2003:** Đầu tư mới Xí nghiệp Ắc Quy Sài Gòn tại Khu Công nghiệp Tân Tạo.
- **Năm 2004:** Từ ngày 01/10/2004, PINACO chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/9/2004.
- **Năm 2006:** PINACO niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM theo Giấy Phép Niêm yết cổ phiếu số 69/UBCK-GPNY của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và chính thức thực hiện phiên

giao dịch đầu tiên vào ngày 12/12/2006 với mã chứng khoán là PAC với giá giao dịch là 40.000 đồng/cổ phiếu.

- **Năm 2011:** Đầu tư nhà máy sản xuất ắc quy mới tại Nhơn Trạch, Đồng Nai (Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2).

- **Năm 2012:** PINACO không ngừng đầu tư đổi mới thiết bị, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới, phù hợp với nhu cầu công nghệ ngày một cao của thị trường.

- **Năm 2015:** Tăng vốn điều lệ từ 269.878.430.000 đồng lên 309.812.930.000 đồng, theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

- **Năm 2016:** Tăng vốn điều lệ từ 309.812.930.000 đồng lên 464.717.070 đồng, theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

- **Năm 2017:** Quy hoạch lại sản xuất ắc quy, sắp xếp 4 nhà máy còn 3 nhà máy.

- **Năm 2018:** Ký hợp đồng mua 8,7 ha tại khu công nghiệp An Phước, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Thành tích đạt được:

- Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính Phủ (2013, 2014, 2015);

- Cờ Thi đua của Bộ Công thương cho xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2 (2014, 2015), Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai (2015);

- Cờ Thi đua của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cho Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2 và Chi nhánh Công ty tại Hà Nội (2016), Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai (2017);

- Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh (2014, 2015, 2018);

- Huân chương độc lập hạng Nhất (2010), Nhì (2005), Ba (2002);

- Anh Hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2000);

- Huân chương Lao động hạng Nhất lần 2 (2015), Nhì (2013), Ba (2000, 2001, 2003);

- Thương hiệu Quốc gia 4 lần liên tiếp (2012, 2014, 2016, 2018);

- Top 5 Công ty chăm lo tốt nhất cho người lao động do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận (2015);

- Doanh nghiệp vì người lao động do Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận (2016);

- Chứng nhận Nhà cung cấp Ưu tiên của Tập đoàn Ford Q1 (2014);

- Nhà cung cấp có cải tiến tốt nhất của HONDA (2014);

- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín (2014);

- Top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (2012);

- Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 22 năm liền (1997 – 2018);
- Chứng nhận ISO 14001 cho hệ thống quản lý môi trường (2012);
- Chứng nhận ISO/TS 17025 cho hệ thống phòng thí nghiệm (2013);
- Chứng nhận ISO 9001 – hệ thống quản lý chất lượng (2011);
- Chứng nhận ISO/TS 16949:2009 – hệ thống quản lý chất lượng dành cho các nhà cung cấp cho ngành công nghiệp ô tô (2011);
- Nhà cung cấp đáng tin cậy (2011);
- Sao Vàng Đất Việt (2009 – 2011);
- Cổ phiếu Vàng (2009);
- TOP 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam (2008);
- Thương hiệu chứng khoán uy tín & công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam (2008);
- Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam (2015, 2016, 2017, 2018).

1.4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.4.1. Ngành nghề kinh doanh

Những hoạt động chính tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty như sau:

- Sản xuất Pin, Ấc quy: Cung cấp đa dạng các chủng loại pin và ắc quy cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Bao gồm các loại Pin Carbon kẽm thông dụng và các loại ắc quy cho nhiều mục đích sử dụng như: Ấc quy khởi động dùng cho xe ô tô, xe máy, tàu thuyền; Ấc quy dân dụng dùng thắp sáng, xe điện và Ấc quy công nghiệp các loại, v.v...
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm Pin, Ấc quy và vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh pin, ắc quy.

1.4.2. Sản phẩm tiêu biểu

- Sản phẩm của PINACO đạt tiêu chuẩn chất lượng hàng đầu với công nghệ được chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, sản xuất trên các máy móc, thiết bị tiên tiến của Áo, Mỹ, Đức, Anh, Ý, v.v... và hệ thống quản trị tiên tiến, đáp ứng được yêu cầu khắt khe của nhiều khách hàng và các hãng lắp ráp ô tô, xe máy hàng đầu thế giới tại Việt Nam như Ford Vietnam, Thaco, Vietnam Suzuki, Honda, Piaggio, Yamaha, Mercedes – Benz Vietnam, Hyunhdai Thành Công, v.v...
- Ngành Pin: có các sản phẩm mang nhãn hiệu như Con Ó, Eagle với các kích cỡ sau:
 - Pin tiểu: AA, UM3, R6P, LR6
 - Pin đũa: AAA, UM4, R03, LR03
 - Pin đại: D size, UM1, R20
- Ngành ắc quy: có các sản phẩm mang nhãn hiệu như Pinaco, Đồng Nai, JP, PAC, Sakura,... sử dụng cho các ứng dụng sau:

Cho xe ô tô, xe tải và tàu thuyền

Cho xe gắn máy

Cho thấp sáng, UPS, vợt muỗi, đèn pin sạc, xe đạp điện,...

Cho xe điện, xe golf, lưu điện cho hệ thống Pin mặt trời, viễn thông,...

1.4.3. Địa bàn kinh doanh

Trong nước:

- Công ty có 01 văn phòng chính tại Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh; 02 xí nghiệp sản xuất ắc quy đặt tại tỉnh Đồng Nai và 01 xí nghiệp sản xuất pin đặt tại Tp.Hồ Chí Minh.

- 02 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng; 06 cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại Tp.HCM, Hà Nội và Đà Nẵng. Địa bàn kinh doanh phủ khắp toàn quốc.

- Các xí nghiệp sản xuất

01 Xí nghiệp sản xuất Pin tại Tp HCM.

02 Xí nghiệp sản xuất Ắc quy tại Đồng Nai.

- Các cửa hàng giới thiệu sản phẩm

03 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại Quận 1 và 6 – Tp HCM.

01 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại Đồng Nai.

01 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại Đà Nẵng.

01 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại Hà Nội.

- Hệ thống phân phối

Nhà phân phối và đại lý

Hệ thống phân phối của Công ty có 159 Nhà phân phối/Đại lý và trên 10.000 điểm bán bao phủ khắp các tỉnh thành trên toàn quốc và đội ngũ nhân viên thường xuyên bám sát thị trường, hỗ trợ nhà phân phối kinh doanh, triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu thụ và hỗ trợ việc bảo hành sản phẩm. Hệ thống phân phối chuyên nghiệp hoạt động hiệu quả đã giúp công ty cạnh tranh thắng lợi trên thị trường và phục vụ tốt cho khách hàng. Chính điều này đã tạo nên khác biệt giữa chất lượng phục vụ của PINACO so với các công ty cùng ngành khác trên thị trường.

Siêu thị và các cửa hàng

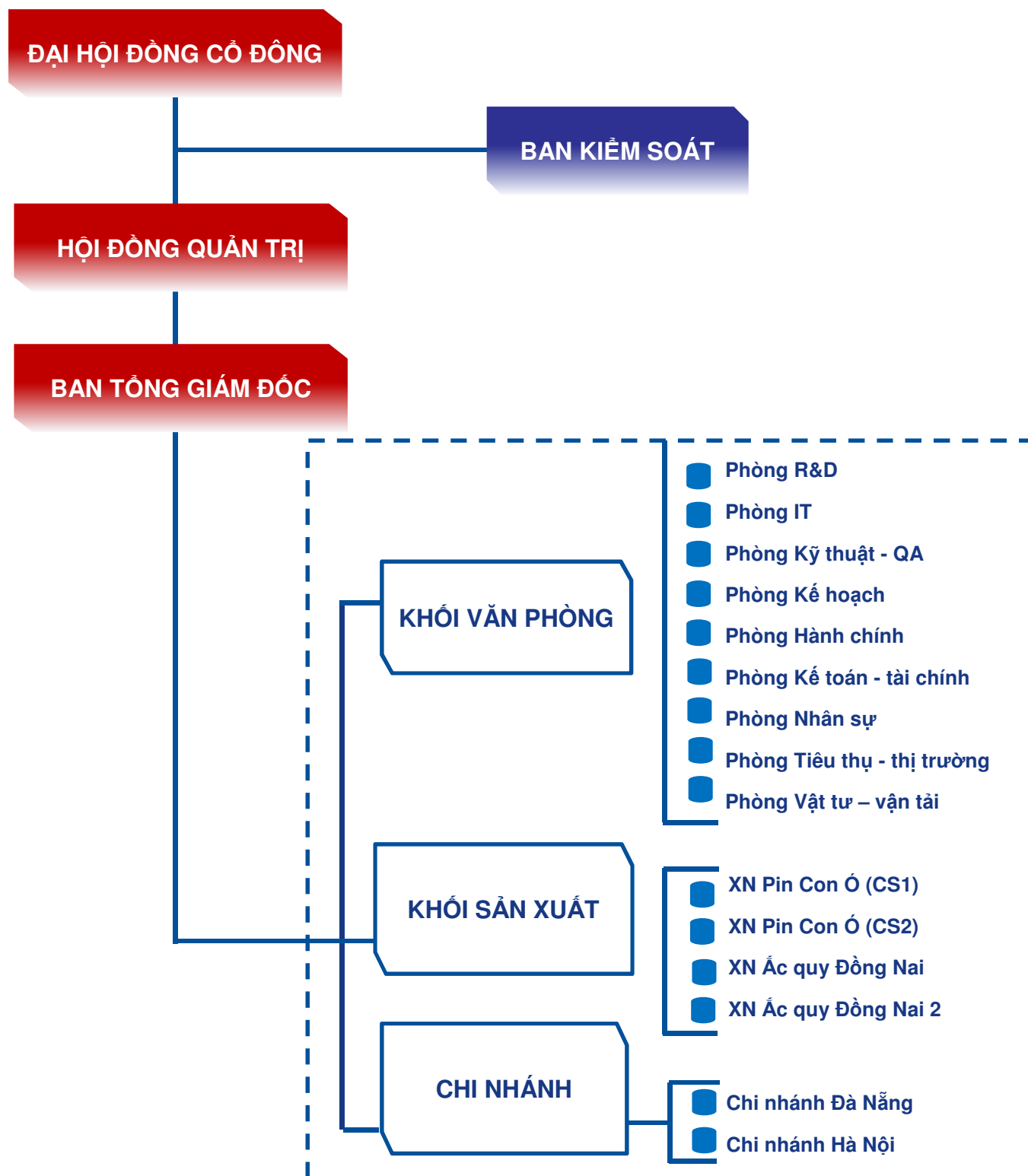
Sản phẩm của Pinaco có mặt ở các siêu thị (pin) và cửa hàng lớn nhỏ trên toàn quốc.

Xuất khẩu:

Xuất khẩu đóng góp khoảng 16,59% vào tổng doanh thu của Công ty. Tính đến cuối năm 2018, Công ty xuất khẩu đến 34 quốc gia và vùng lãnh thổ. Công ty duy trì xuất khẩu đi các thị trường truyền thống tại khu vực Trung Đông, các nước Đông Nam Á, v.v... cụ thể như Philippines, Malaysia,

Cambodia, Hong Kong, Myanmar, U.A.E, Syria, Yemen v.v... đồng thời có thêm 03 thị trường mới là Saudi Arabia, Indonesia và Uganda.

1.5. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý



CÁC XÍ NGHIỆP

Xí nghiệp Pin Con Ó (Cơ sở 1) 752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, TP. HCM Điện Thoại: (028) 38 750 556	Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3 836 116
Xí nghiệp Pin Con Ó (Cơ sở 2) Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM Điện thoại: (028) 37 540 244	Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai 2 Đường N2, KCN Dệt May Nhơn Trạch, Nhơn Trạch, Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3 569 968

CÁC CHI NHÁNH

Chi nhánh Hà Nội 18 ngõ 44 Đức Giang, P. Thượng Thanh, Q. Long Biên, Hà Nội Điện thoại : (024) 39 333 611	Chi nhánh Đà Nẵng 348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại : (0236) 3 649 957
---	--

CÁC CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: (028) 8368 529	21-23 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: (028) 8368 530	752 Hậu Giang, Quận 6, TP. HCM Điện thoại: (028) 8368 531
Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3 836 116	02 Đặng Thái Thân, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội Điện thoại: (024) 38 261 030	348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3 649 952

Đơn vị trực thuộc

TRUNG TÂM BẢO HÀNH

Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Bắc Địa chỉ: Số 02 Đặng Thái Thân,	Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Trung Địa chỉ: 348 Điện Biên Phủ,	Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Nam Địa chỉ: Lô 64, đường số 2, KCN
---	--	--

Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Q. Thanh Khê, Đà Nẵng	Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM
Điện thoại: (024) 3826 1030	Điện thoại: (0236) 3769 055	Điện thoại: (028) 3754 1151

1.6. Định hướng phát triển

1.6.1. Chiến lược trung và dài hạn:

Chiến lược kinh doanh

- Thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp thị trường để Công ty và đối tác cùng hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.
- Không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, chất lượng phục vụ với mức giá hợp lý để cạnh tranh giữ vững và phát triển thị phần.
- Không ngừng nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới và đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường.
- Tận dụng cơ hội khi các hiệp định tự do thương mại song phương, đa phương giữa Việt Nam với các quốc gia, khu vực trên thế giới có hiệu lực để gia tăng xuất khẩu.

Chiến lược đầu tư

- Quan tâm đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường cũng như bảo vệ môi trường.
- Chuẩn bị các thủ tục, nguồn vốn để đầu tư xây dựng nhà máy mới tại khu công nghiệp An Phước tỉnh Đồng Nai đáp ứng nhu cầu tăng trưởng cũng như di dời nhà máy ắc quy Đồng Nai tại khu công nghiệp Biên Hòa dự kiến đến cuối năm 2022 phải trả mặt bằng.

Chiến lược nguồn nhân lực

- Chăm lo phát triển nguồn nhân lực theo hướng khuyến khích và thu hút người tài và tạo dựng môi trường làm việc lành mạnh, đề cao ý thức trách nhiệm, tự giác và hướng tới khách hàng.
- Dựa vào mục tiêu chung của Công ty để xây dựng và giao chỉ tiêu đánh giá kết quả công việc KPIs cho từng đơn vị, cá nhân làm cơ sở đánh giá cũng như đãi ngộ cho toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty.
- Áp dụng chính sách trả lương tiên tiến, phù hợp quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với người lao động theo hướng ưu đãi và phù hợp với quy định của pháp luật.

1.6.2. Các mục tiêu với môi trường, xã hội và cộng đồng

Chính sách về môi trường: Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh pin và ắc quy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường. Để giảm thiểu những rủi ro không mong muốn xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng những quy định pháp luật về môi trường và phù hợp với định hướng phát triển bền vững, Công ty đã triển khai những giải pháp như sau:

- Luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường trong việc kiểm soát phát thải, thu gom, xử lý các chất thải trong quá trình sản xuất và kinh doanh của mình.

- Không ngừng đầu tư và cải tiến liên tục hệ thống trang thiết bị thu gom, xử lý các chất thải từ hoạt động sản xuất; kiểm soát các yếu tố gây ô nhiễm đáp ứng các quy định của pháp luật và ứng dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải.

- Duy trì hệ thống quản lý môi trường của Công ty theo tiêu chuẩn ISO14001, thường xuyên kiểm tra, giám sát tính tuân thủ và hiệu lực của các hệ thống thu gom, xử lý khí thải, chất thải và thường xuyên giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể nhân viên của Công ty.

Trách nhiệm xã hội là một trong những chính sách quan trọng của quá trình hoạt động và định hướng phát triển bền vững của Công ty trong hiện tại và tương lai.

- Công ty luôn cam kết đem đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng tốt, an toàn khi sử dụng với giá phù hợp để đảm bảo quyền lợi của khách hàng.

- Tăng cường thực hiện các hoạt động xã hội như chia sẻ, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ bà con nghèo, gia đình chính sách. Đẩy mạnh hoạt động từ thiện, các hoạt động hỗ trợ cộng đồng góp phần thúc đẩy xã hội phát triển bền vững.

1.7. Các rủi ro

1.7.1. Rủi ro vĩ mô

Kinh tế thế giới năm 2018 tăng trưởng không đồng đều và đã xuất hiện một số dấu hiệu xấu. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu. Theo báo cáo của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) năm 2018 nền kinh tế Mỹ có dấu hiệu đạt đỉnh. Trong khi đó, nền kinh tế đứng thứ hai thế giới (Trung Quốc) chỉ đạt tốc độ tăng trưởng đạt ở mức 6,5% thấp hơn cùng kỳ năm trước. Các nước có nền kinh tế phát triển như Đức, Nhật Bản, v.v... cũng có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Tuy kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng nhưng xu hướng bảo hộ mậu dịch đang diễn ra khá phổ biến gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của kinh tế thế giới.

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều bất ổn thì nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến rõ nét và tích cực. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam tiếp tục tăng 7,08% cao hơn 6,81% của năm 2017. Bên cạnh đó, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2016. Mặc dù nền kinh tế có sự tăng trưởng, nhưng Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như thiếu nguồn nhân lực có tay nghề, năng suất lao động thấp, phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp FDI, thiên tai, bão lũ xảy ra thường xuyên.

Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, nước ta tham gia nhiều hiệp định thương mại thế hệ mới với các nước và khu vực. Bên cạnh cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu, công ty phải đối mặt sự cạnh tranh quyết liệt với các sản phẩm cùng loại được nhập khẩu từ các nước phát triển.

Bên cạnh sự tác động của kinh tế thế giới, tình hình chính trị bất ổn tại một số thị trường truyền thống như xung đột sắc tộc, tôn giáo ở khu vực Trung đông, nội chiến tại Iraq, Yemen, Syria.v.v...đã ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình xuất khẩu của Công ty. Đứng trước tình hình diễn biến phức tạp và khó

lượng của kinh tế - chính trị thế giới như trên buộc Công ty phải luôn theo dõi sát diễn biến của thị trường để có phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp.

1.7.2. Rủi ro lãi suất

Với tỷ lệ nợ vay ngắn và dài hạn cuối năm 2018 khá cao, chiếm 57,73% trên tổng tài sản, ngoài ra sắp tới nhu cầu đầu tư sẽ rất lớn, do vậy khi có những biến động tăng về lãi suất sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty mà cụ thể là chi phí tài chính tăng 58% so cùng kỳ. Trong năm 2018, lãi suất vay ngắn hạn VNĐ và USD đều tăng 0,5% so với năm 2017. Nguyên nhân do chi phí tài chính đã qua thời kỳ vùng đáy, ngoài ra chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cũng là tác nhân làm cho chi phí tài chính tăng lên.

Ý thức được những tác động của biến động tăng lãi suất, Ban lãnh đạo Công ty tăng cường công tác quản trị hàng tồn kho, tích cực trả nợ vay, luôn theo dõi sát diễn biến tình hình lãi suất từ đó có các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng của lãi suất đến tình hình hoạt động của Công ty.

1.7.3. Rủi ro tỷ giá

Tình hình biến động tỷ giá năm 2018 nhìn chung khá hợp lý, chỉ tăng 2,24%. Mặc dù một số nước xung quanh Việt Nam phá giá mạnh đồng tiền của họ trước áp lực FED tăng lãi suất liên tục và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung xảy ra. Là một công ty mà phần lớn vật tư, nguyên liệu, thiết bị chính đều nhập khẩu nên biến động tỷ giá sẽ tác động trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu những tác động tiêu cực từ biến động của tỷ giá Công ty đã có nhiều biện pháp như theo dõi sát và dự báo tình hình diễn biến của tỷ giá để điều chỉnh chính sách vay usd/vnd phù hợp, mua kỳ hạn để giảm thiểu tác động tiêu cực từ tỷ giá tăng.

1.7.4. Rủi ro nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty là chì và kẽm, đầu năm 2018 giá chì kẽm tăng mạnh nhưng đến tháng 5/2018 bắt đầu điều chỉnh giảm và giá trung bình chì tăng 1,67%, kẽm tăng 0,58% so cùng kỳ 2018. Nguyên nhân dẫn đến sự tăng giảm thất thường giá chì kẽm nêu trên có thể được lý giải do nhiều nguyên nhân khác nhau, tuy nhiên nguyên nhân bất ổn chính trị và chính sách thay đổi nhanh chóng của các nước lớn là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến biến động giá cả kim loại. Vì chì, kẽm là nguồn nguyên vật liệu chính cho việc sản xuất pin, ắc quy của Công ty nên việc giá chì, kẽm tăng sẽ làm cho chi phí sản xuất trực tiếp của Công ty tăng lên gây áp lực tăng giá thành sản phẩm.

Để hạn chế tác động tiêu cực từ việc giá nguyên vật liệu biến động Công ty đã tích cực tìm kiếm các nguồn cung cấp mới, tăng cường sử dụng nguồn vật tư trong nước và nghiên cứu các loại vật tư thay thế để giảm những tác động của giá nguyên vật liệu đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.7.5. Rủi ro pháp lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh pin, ắc quy chịu ảnh hưởng của Luật Môi trường, Luật Xuất Nhập khẩu, Luật Thương mại Quốc tế, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.v.v. Trong khi hệ thống luật pháp Việt Nam vẫn đang được điều chỉnh, hoàn thiện nếu không cập nhật kịp thời sẽ dễ dẫn đến những rủi ro pháp lý.

Để giảm thiểu những rủi ro này công ty đã lựa chọn, hợp đồng với công ty tư vấn luật để được tư vấn kịp thời về các vấn đề phát sinh, luôn theo dõi, cập nhật các văn bản luật mới nhất. Công ty cũng thường xuyên phổ biến các văn bản luật mới nhất cho các cán bộ nhân viên và chỉ đạo các phòng ban liên quan, cũng như tất cả các nhân viên của Công ty phải thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước.

1.7.6. Rủi ro cạnh tranh

Trong bối cảnh Việt Nam đang tăng cường ký kết các hiệp định hợp tác quốc tế. Điển hình như Hiệp định FTA thế hệ mới, hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) sẽ khiến cho sự cạnh tranh từ các sản phẩm nhập ngoại ngày càng gay gắt hơn. Đối với công ty là sự cạnh tranh từ các thương hiệu đến từ những nước có thế mạnh trong ngành như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài loan và các nước ASEAN.v.v.

Để duy trì khả năng cạnh tranh và phát triển ổn định, trong những năm qua Công ty đã luôn quan tâm đầu tư, đổi mới thiết bị, đón đầu xu thế. Hầu hết các thiết bị sản xuất đều được lựa chọn từ các nhà cung cấp hàng đầu thế giới ở các nước G7. Với nền tảng công nghệ tích lũy trên 42 năm và các công nghệ mới chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc giúp Công ty có thể nâng cao được chất lượng sản phẩm của mình, tạo ra những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và cũng dựa vào đó để Công ty có thể giữ vững vị thế của mình trên thị trường pin, ắc quy.

1.7.7. Rủi ro sản phẩm thay thế

Công nghệ pin ắc quy đang thay đổi rất nhanh với sự xuất hiện nhiều công nghệ mới : pin sạc, ắc quy Lithium-Ion, Pin nhiên liệu.v.v. một số công nghệ đã thay thế sản phẩm của PINACO ở 1 vài phân khúc nhất định như : đèn sạc, máy tính xách tay, xe đạp điện, xe ô tô điện.v.v. Đối với thị trường pin, pin Mangan kẽm công ty đang sản xuất thuộc nhóm sản phẩm công nghệ cũ, tốc độ tăng trưởng đang chậm dần, đặc biệt nhu cầu pin đại (R20, D size) đang suy giảm mạnh và sẽ chấm dứt vòng đời trong tương lai gần... Tuy nhiên các loại pin truyền thống cỡ nhỏ vẫn rất phổ biến và tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới. Đối với thị trường ắc quy, ắc quy chì acide cũng dần bị thay thế bởi các loại ắc quy công nghệ mới hơn. Tuy nhiên, nhu cầu sử dụng ắc quy chì acid vẫn rất cao do lượng phương tiện sử dụng ắc quy này vẫn đang tiếp tục tăng mạnh trong tương lai 3-5 năm tới và do có giá thành thấp và khả năng thu hồi, tái chế cao.

Để đối phó với rủi ro sản phẩm thay thế, Công ty đang đầu tư mạnh cho hoạt động R&D, tìm kiếm đối tác hợp tác nghiên cứu và tích cực tìm kiếm các công nghệ mới thay thế công nghệ hiện hữu để có thể đầu tư phát triển trong tương lai.

1.7.8. Rủi ro với môi trường

Quá trình công nghiệp hóa đất nước kéo theo nguy cơ ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng. Chính phủ Việt Nam đang siết chặt các chính sách bảo vệ môi trường, cũng như tăng cường kiểm tra xử phạt các vi phạm về môi trường của các nhà máy gây ô nhiễm để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất pin, ắc quy có quy trình sản xuất, nguyên liệu có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến môi trường, những năm qua Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về môi trường : đầu tư hệ thống thu gom, xử lý chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất, tuân thủ các quy định về quản lý, tồn trữ, xử lý chất thải nguy hại và triển khai hệ thống thu gom sản phẩm thải bỏ sau quá trình sử dụng ngoài thị trường. Công ty cũng rất chú trọng công tác giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên trong Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.8. Tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2018

Năm 2018, tình hình kinh tế thế giới có nhiều chuyển biến phức tạp, khó lường, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã làm cho thương mại toàn cầu bị ảnh hưởng. Đối với Việt nam, những đổi mới chính sách, môi trường kinh doanh của Chính Phủ đã tạo động lực phát triển mạnh mẽ, GDP đạt 7,08% vượt kế hoạch do Quốc hội đề ra từ đầu năm, chỉ số giá tiêu dùng chỉ tăng 3,54% thấp hơn chỉ tiêu 4% Quốc hội đề ra.

Đầu năm do giá chì, kẽm tăng cao cho nên nhu cầu mua đầu cơ của khách hàng rất lớn, trong khi Công ty vừa mới quy hoạch sắp xếp lại sản xuất cho nên không đáp ứng nhu cầu tăng cao nhất thời của thị trường. Xu hướng chuyển dịch của khách hàng từ bình ắc quy MF sang bình ắc quy CMF ngày càng rõ nét, với tốc độ nhanh. Trong khi đó năng lực sản xuất bình CMF của Công ty còn hạn chế, không đáp ứng nhu cầu thị trường.

Trong năm qua Công ty đã triển khai liên tục, đa dạng các chương trình khuyến mãi, marketing để thúc đẩy tiêu thụ, duy trì thị phần. Điều chỉnh linh hoạt chính sách bán hàng mang lại hiệu quả cao nhất. Quý 4 năm 2018 Công ty mở chiến dịch quảng bá thương hiệu thông qua tài trợ chính cho giải AFF Suzuki Cup. Kết quả thu được vô cùng to lớn, hiệu ứng lan tỏa lớn không chỉ ở Việt Nam mà còn tại các nước trong khối ASEAN, tạo tiền đề, bàn đạp quan trọng trong chiến dịch xâm nhập sâu hơn thị trường ASEAN.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau :

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	TH	TH
		2017	2018	2018	2018/ TH 2017	TH 2018/ KH 2018
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.864	3.000	3.274	114,32%	109,13%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	175	145	197	112,57%	135,86%

Cổ tức	%	45	>=15	20(*)	44,44%	133,33%
--------	---	----	------	-------	--------	---------

(*) Đã tạm ứng đợt 1 và 2 bằng tiền mặt tương ứng 8% vào ngày 25/10/2018, 7% vào ngày 25/12/2018; dự kiến chia thêm 5% chờ ĐHĐCĐ thông qua.

Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 197 tỷ đồng, tăng 35,86% so với kế hoạch và tăng 12,57% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ yếu tố thu nhập bất thường 25 tỷ của năm 2017, thì lợi nhuận trước thuế năm 2018 so cùng kỳ tăng 31,33%. Nguyên nhân là do Công ty tăng cường công tác quản trị, tiết giảm chi phí, tận dụng lợi thế của hệ thống bán hàng để tăng giá bán.

1.9. Tổ chức và nhân sự

1.9.1. Ban điều hành:

ÔNG TRẦN THANH VĂN

- Chức vụ: Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT kiêm Bí thư Đảng ủy
- Sinh năm: 1960
- Quê quán: Bến Tre
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí – Thạc sĩ Kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp chính trị
- Số cổ phần nắm giữ: 41.345 cổ phần

ÔNG LÊ VĂN NĂM

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật – Sản xuất
- Sinh năm: 1967
- Quê quán: Đồng Tháp
- Trình độ Chuyên môn: Kỹ sư hóa
- Lý luận chính trị: Cao cấp chính trị
- Số cổ phần nắm giữ: 3.577 cổ phần

ÔNG NGUYỄN DUY HƯNG

- Chức vụ: Kế toán trưởng
- Sinh năm: 1973
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp chính trị
- Số cổ phần nắm giữ: 852 cổ phần

ÔNG CAO TRỌNG MIÊN

- Chức vụ: Trợ lý Tổng Giám đốc phụ trách Đầu tư–Nghiên cứu phát triển/Trưởng phòng R&D.
- Sinh năm: 1968
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Trình độ Chuyên môn: Cử nhân hóa
- Số cổ phần nắm giữ: 2.835 cổ phần

ÔNG ĐÀO NGỌC MINH TIẾN

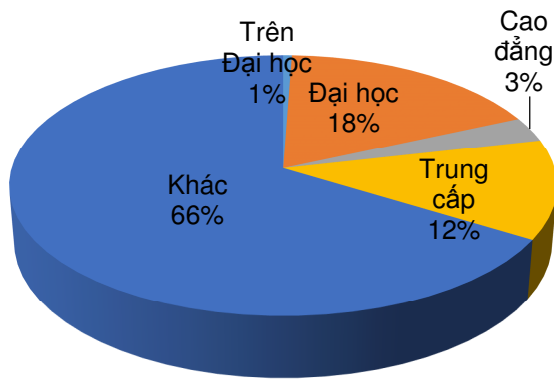
- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Bán hàng–Thị trường
- Sinh năm: 1961
- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ Chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế
- Lý luận chính trị: Trung cấp chính trị
- Số cổ phần nắm giữ: 9 cổ phần

1.9.2. Những thay đổi trong Ban điều hành, Cán bộ quản lý

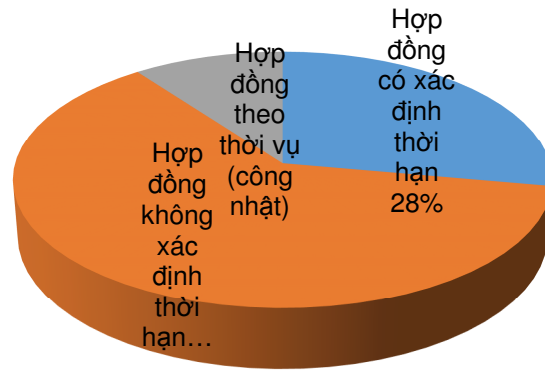
1.9.3. Chính sách đối với người lao động trong Công ty

Cơ cấu người lao động của Công ty năm 2018 :

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	1.204	100%
1	Trên Đại học	7	0,58%
2	Đại học	214	17,77%
3	Cao đẳng	37	3,07%
4	Trung cấp	148	12,29%
5	Khác	798	66,28%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.204	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	335	27,82%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	746	61,96%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	123	10,22%



Cơ cấu lao động theo trình độ



Cơ cấu lao động theo hợp đồng

Công tác Nhân sự - Tiền lương

- Khảo sát, xây dựng nguồn nhân lực trong toàn công ty đáp ứng sự phát triển bền vững trong tương lai. Tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo, chủ động cho từng cá nhân bộ phận.
- Rà soát, hiệu chỉnh, bổ sung quy chế tổ chức cán bộ phù hợp với quy định và đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Thực hiện việc xây dựng và giao chỉ tiêu về chi phí, giá thành trên từng sản phẩm để vừa khuyến khích tăng năng suất lao động, tích hợp “Mục tiêu chất lượng” và hệ thống KPIs cho các đơn vị dễ dàng thực hiện hơn.
- Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Thực hiện mua Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm tai nạn 24/24, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm nhân thọ cho toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty để tăng cường sự gắn bó lâu dài với Công ty.

Phong trào thi đua và công tác xã hội

- Trong năm 2018 Công ty đã tiếp tục duy trì các phong trào thi đua tiết kiệm vật tư, chi phí, Văn phòng khang trang lịch sự, hội thao, v.v... Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức các phong trào thi đua về doanh số bán hàng cho các cán bộ nhân viên nhằm nâng cao sản lượng bán hàng của Công ty.
- Công ty cũng tập trung chăm lo đời sống cả vật chất lẫn tinh thần của các cán bộ nhân viên Công ty, cán bộ nhân viên nghỉ hưu, luôn có một khoản trợ cấp cho những nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ giúp đỡ các viện dưỡng lão, làng trẻ em, những nơi nuôi dưỡng trẻ em mồ côi khuyết tật, v.v...

1.10. Tình hình tài chính

1.10.1. Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	So sánh
Tổng giá trị tài sản	1.780.652.163.824	2.272.811.308.426	127,64%

Tổng doanh thu	2.863.558.252.775	3.273.582.660.916	114,32%
Doanh thu thuần	2.612.940.098.761	2.965.438.314.614	113,49%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	149.759.366.666	196.130.312.211	130,96%
Lợi nhuận khác	25.105.323.876	1.204.001.750	4,80%
Lợi nhuận trước thuế	174.864.690.542	197.334.313.961	112,85%
Lợi nhuận sau thuế	135.807.657.708	157.903.219.717	116,27%
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	45%	20%	44,44%

Tính đến cuối năm 2018, tổng giá trị tài sản của Công ty đạt 2.273 tỷ đồng, tăng 27,64% so với năm 2017. Nguyên nhân tổng tài sản tăng chủ yếu ở tài sản cố định, tài sản dở dang dài hạn và đầu tư tài chính ngắn hạn. Trong năm 2018 Công ty tăng cường củng cố năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường. Để phát lâu dài, Công ty đã đầu tư mua gần 9 ha tại Khu công nghiệp An Phước tỉnh Đồng Nai để xây dựng nhà máy sản xuất ắc quy đón đầu phát triển sau này cũng như phục vụ nhà máy ắc quy Đồng Nai di dời theo kế hoạch của tỉnh Đồng Nai.

Mặt khác, nắm bắt được những thách thức của thị trường trong năm 2018, Công ty đã linh động trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất điều chỉnh số lượng sản xuất của từng dòng sản phẩm sao cho phù hợp với tình hình thị trường. Cụ thể, tình hình tiêu thụ ắc quy quý 1 tăng trưởng cao trong khi năng lực sản xuất sau khi mới di dời, quy hoạch bị hạn chế. Công ty đã tập trung mọi nguồn lực sản xuất đáp ứng thị trường. Nửa sau năm 2018, tình hình tiêu thụ ắc quy MF chậm lại, trong khi bình ắc quy CMF và bình gắn máy kín tăng cao vượt hơn dự báo của Công ty. Một lần nữa Công ty lại phải thay đổi kế hoạch sản xuất, tập trung mọi nguồn lực ưu tiên sản xuất những dòng sản phẩm thị trường có nhu cầu. Công ty ban hành các chính sách bán hàng linh hoạt, dành ngân sách thích đáng cho quảng bá thương hiệu trong và ngoài nước, nâng cao hình ảnh và vị thế của Công ty trên thị trường. Với các chính sách nêu trên năm 2018 doanh thu tăng 14,32% so cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế tăng 12,85% so cùng kỳ.

Nhìn chung, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua đều được duy trì ổn định, bên cạnh những chính sách đúng đắn, phù hợp với tình hình thị trường, kế hoạch hoạt động linh hoạt của Ban lãnh đạo, đó còn là sự đóng góp và làm việc hết mình của toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên của PINACO, đã góp phần mang đến tiềm năng và cơ hội cho sự phát triển bền vững của Công ty cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam trong hiện tại và tương lai.

1.10.2. Các hệ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
----------	-----	----------	----------

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,95	0,96
--	-----	------	------

Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,39	0,56
---	-----	------	------

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	62,36	73,61
-----------------------	---	-------	-------

Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	165,67	278,95
-------------------------	---	--------	--------

Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/HTK bình quân</i>)	Vòng	3,82	3,99
--	------	------	------

Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân</i>)	Vòng	1,50	1,46
---	------	------	------

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,20	5,32
--	---	------	------

Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,29	24,87
--	---	-------	-------

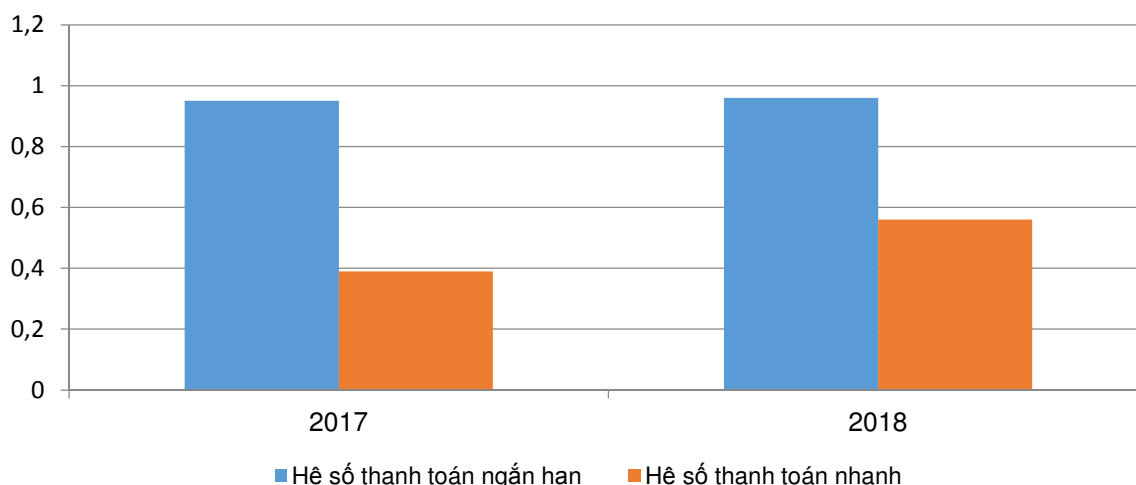
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	7,81	7,79
--	---	------	------

Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,73	5,99
---	---	------	------

Trong năm 2018, đa số các chỉ số tài chính của Công ty đều có xu hướng tăng nhẹ. Cụ thể :

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

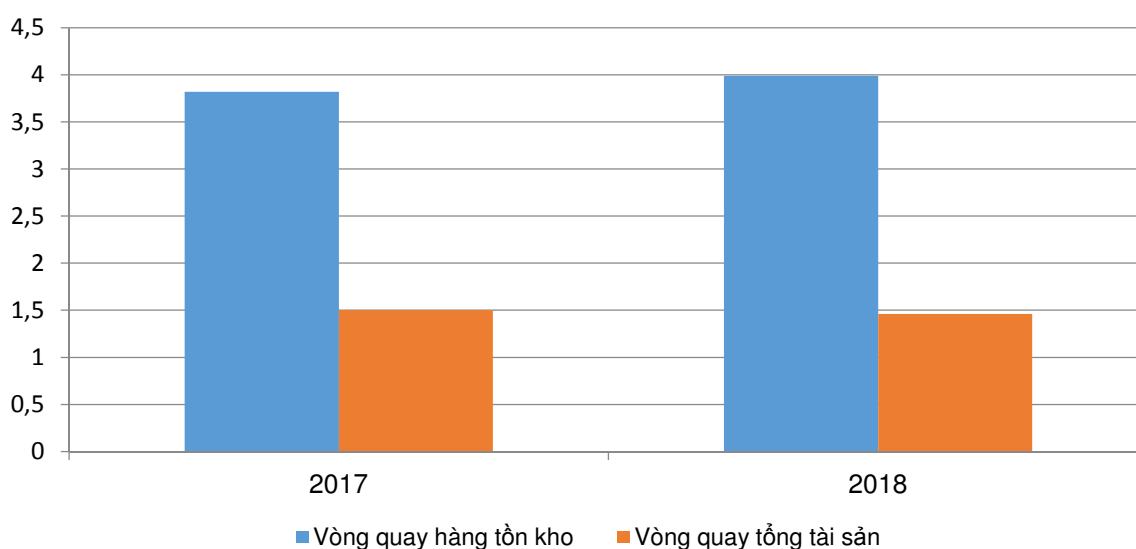
Trong năm 2018, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2017, cụ thể Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,95 lần lên 0,96 lần. Nguyên nhân chính là do trong năm 2018 Công ty có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng so với cùng kỳ (kỳ trước ở mục đầu tư tài chính dài hạn), ngoài ra năm nay Công ty đã sử dụng một khoản tiền có giá trị hơn 50 tỷ đồng cho việc mua gần 9 hecta đất tại Khu công nghiệp An Phước, Đồng Nai và một số máy móc thiết bị khác.



Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động

Trong năm 2018, chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng nhẹ từ 3,82 vòng lên 3,99 vòng tương đương tăng 4,44% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân tăng là do trong năm qua Công ty đã tăng cường quản lý hàng tồn kho hợp lý. Mặc dù tỷ giá tăng, giá vật tư tăng nhưng tốc độ vòng quay hàng tồn kho vẫn tăng so cùng kỳ.

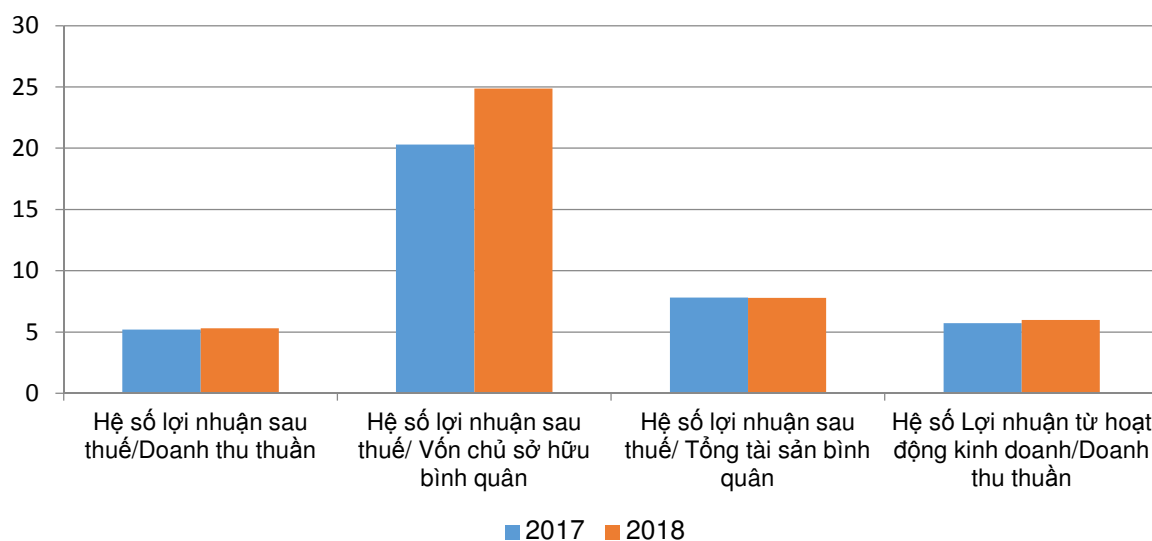
Chỉ tiêu Vòng quay Tổng tài sản trong năm 2018 của Công ty đã giảm nhẹ từ 1,50 vòng xuống còn 1,46 vòng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do tốc độ tăng trưởng của Tổng tài sản bình quân cao hơn tốc độ tăng trưởng của Doanh thu thuần, cụ thể là trong những năm gần Công ty đang đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh và mua đất để chuẩn bị nền tảng cho Công ty phát triển sau này.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

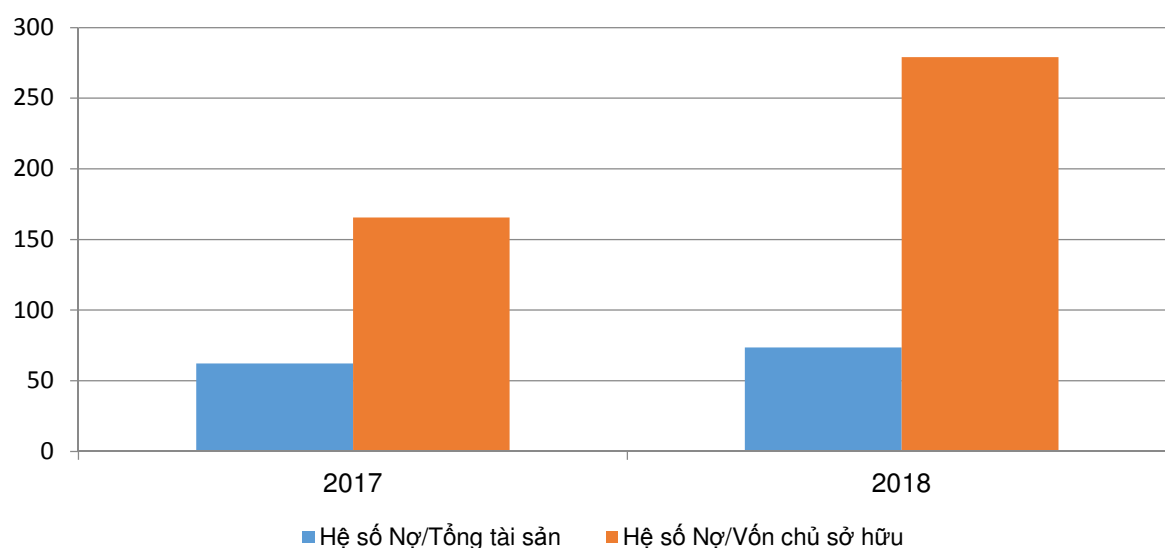
Nhìn chung, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2018 đều có xu hướng tăng, nguyên nhân chính là do Công ty đã tăng cường công tác quản trị, tăng doanh thu, tăng giá bán, kiểm soát tốt chi phí,... đã làm cho lợi nhuận gộp cũng như lợi nhuận thuần từ hoạt động chính tăng hơn

30% so cùng kỳ. Đây là thành quả đánh ghi nhận của ban lãnh đạo và toàn thể người lao động trong năm qua.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2018 đều tăng so với năm 2017, cụ thể Hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 62,36% lên 73,61% và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 165,67% lên 278,95%. Nguyên nhân chủ yếu là do lãi suất vay rẻ nên Công ty trong năm 2018 đã tích cực vay Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất và đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó trong năm qua Công ty đã bắt đầu giải ngân vốn trung hạn 55 tỷ đồng để thanh toán đợt 1 khu đất gần 9 hecta tại khu công nghiệp An Phước.



1.11. Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

1.11.1. Thông tin cổ phần

- Tổng số cổ phần phát hành: 46.471.707 cổ phần

- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Cổ phiếu đang lưu hành: 46.471.707 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

1.11.2. Cơ cấu cổ đông

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	% vốn điều lệ
Tổng cộng	1.585	46.471.707	100%
Cổ đông trong nước	1.370	33.389.048	71,85%
Tổ chức	37	26.614.778	57,27%
Cá nhân	1.333	6.774.270	14,58%
Cổ đông nước ngoài	215	13.082.659	28,15%
Tổ chức	39	12.658.152	27,24%
Cá nhân	176	424.507	0,91%

1.11.3. Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ
1	TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM	23.898.273	238.982.730.000	51,43%
2	THE FURUKAWA BATTERY CO. LTD.	4.899.708	48.997.080.000	10,54%

1.11.4. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Trong năm 2018 vốn chủ sở hữu của Công ty không thay đổi.

1.12. Báo cáo phát triển bền vững

Ô nhiễm môi trường là một vấn đề nóng trên toàn cầu. Hiện nay, môi trường toàn cầu đang bị đe dọa trầm trọng, vì tình hình thế giới ngày càng phát triển, các nhà máy, công trình, xưởng sản xuất mỗi ngày thải ra ngoài môi trường rất nhiều chất thải như: khí thải, chất thải nguy hại, nước thải,... dẫn đến môi trường bị ô nhiễm nặng. Do đó, bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay.

Bên cạnh đó, nguyên liệu sản xuất chính của Công ty là chì, kẽm và nhựa. Trong khi, chì lại là chất gây ô nhiễm nặng nề nhất, nguyên nhân là chì rất độc, nhựa là chất khó phân hủy, gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Hiểu rõ được điều này nên trong những năm qua Công ty đã triển khai nhiều biện pháp quản lý môi trường như: Áp dụng và đạt chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015; tổ chức đánh giá tác động môi trường & được phê duyệt của các cơ quan lý chức năng trước khi triển khai dự án. Đầu tư các hệ thống xử lý bụi - khí thải: đạt Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2009; Hệ thống xử lý nước thải hiện đại: đạt Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp QCVN 40:2011;

Về chấp hành quyết định số 16/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc thu hồi sản phẩm thải bỏ, Pinaco đã nghiêm túc chấp hành và đã triển khai được 05 điểm thu hồi sản phẩm Pin và Ác quy thải bỏ tại các khu vực thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, Tỉnh Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh.

Về triển khai việc thu hồi sản phẩm Pin và ác quy thải bỏ Về quản lý chất thải rắn – chất thải nguy hại công ty đã tổ chức triển khai phân loại chất thải tại nguồn, kho chất thải tập trung riêng biệt như kho chứa chất thải sinh hoạt, chất rắn thông thường; chất thải nguy hại. Và ký hợp đồng chuyển giao – xử lý tái chế với các công ty có chức năng; Thực hiện giám sát chất lượng môi trường và báo cáo giám sát môi trường với các cơ quan quản lý về môi trường đúng như cam kết của đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và đúng quy định. Từ đó hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì nguồn nguyên vật liệu là yếu tố quyết định đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, trong môi trường cạnh tranh như hiện nay, để có thể giữ vững vị thế của mình, Công ty thường xuyên thay đổi mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm trong khi vẫn đảm bảo giá bán thì việc quản lý sử dụng nguồn nguyên vật liệu một cách hiệu quả là một việc làm cấp thiết.

- Năm 2018, Công ty đã thực hiện các chính sách nhằm tiết kiệm nguồn nguyên liệu trong khâu sản xuất nhằm giảm giá thành sản phẩm. Tổng lượng nguyên liệu mà Công ty tiêu thụ trong năm cụ thể như sau:

STT	Tên NVL	ĐVT	Tổng cộng
1	Chì	tấn	26.084
2	Acid Sulfuric	tấn	4.136
3	Điện	Kwh	30.438.158
4	Nước	M3	317.274
5	Gas(lít)	L	2.021.515

6	Kẽm	tấn	1.511
---	-----	-----	-------

- Công tác thu hồi chì, kẽm phế liệu được tiếp tục triển khai ở tất cả các xí nghiệp của Công ty trong năm 2018. Chì phế liệu trong quá trình sản xuất được thu gom lại và giao cho một đơn vị gia công tái chế lại để đưa lại vào sản xuất.

- Năm qua, khối lượng nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm đạt 890.342 kg. Cụ thể :

STT	Xí nghiệp	ĐVT	Khối lượng chi thu hồi trong năm
1	Đồng Nai	Kg	306.529
2	Đồng Nai 2	Kg	583.814
Tổng cộng			890.342
Tổng NVL xuất SX (chì, kẽm)		Kg	27.595.000

Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng đóng vai trò quan trọng trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, cùng với đó việc phát triển kinh tế xã hội thì nhu cầu sử dụng năng lượng sẽ có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, việc sử dụng không hợp lý đã gây ra tình trạng cạn kiệt nguồn nguyên liệu hóa thạch, dẫn đến những tác động tiêu cực cho hệ sinh thái. Đồng thời, tình trạng khan hiếm nguyên liệu này ngày càng tăng tác động đến giá có xu hướng tăng cao trong những năm gần đây. Ngoài ra, với nguồn năng lượng hóa thạch, ngành công nghiệp điện đã thải lượng lớn khí cacbon ra môi trường gây ra hiện tượng hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu, v.v... làm ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tăng trưởng, phát triển bền vững của nền kinh tế trong và ngoài nước. Nhận thức được tầm ảnh hưởng của việc sử dụng năng lượng đến mọi mặt của mỗi quốc gia, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều chính sách phù hợp với tình hình nhằm tiết kiệm nguồn năng lượng tối đa, đồng thời sử dụng năng lượng hiệu quả nhất.

- Với vị thế là doanh nghiệp đứng đầu ngành sản xuất pin, ắc quy trong nước nên trong năm qua Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để tiết kiệm nguồn năng lượng sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Lượng điện, nước và gas mà Công ty tiết giảm được trong năm :

Chỉ tiêu	Đvt	Tỷ lệ %	Số lượng
Điện	Kwh	2,7%	821.830
Gas	Lít	5,5%	111.588

Nước

M3

4,7%

15.007

Tiêu thụ nước

- Nước là thành phần không thể thiếu trong đời sống của con người, là một phần quan trọng của quá trình vận hành hoạt động của nền kinh tế. Tuy nhiên, hiện nay nhiều nơi đang tiêu thụ nước một cách lãng phí, đồng thời tình trạng nước chưa qua xử lý xả thải thẳng ra môi trường cũng đang là vấn đề được Nhà nước quan tâm. Do đó, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ nguồn nước và để có thể sử dụng một cách tiết kiệm, hợp lý là một bài toán được chú trọng hiện nay. Công ty đã đưa ra những biện pháp hợp lý, tái sử dụng nguồn nước cho các mục đích khác nhau như dùng nước đã qua xử lý tưới cây, rửa sàn nhà,... Đồng thời Công ty tích cực tuyên truyền và khuyến khích mỗi người lao động cần phải tự ý thức được tầm quan trọng của nguồn nước và sử dụng nguồn nước một cách hợp lý để có thể vào vệ được cuộc sống của chính mình.

- Năm qua, lượng nước thủy cục sử dụng tại các Xí nghiệp của Công ty như sau:

Nhà máy	Nguồn cung cấp	Lượng sử dụng (m ³)	
		Năm 2017	Năm 2018
Đồng Nai	Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	222.190	313.025
Đồng Nai 2	Công ty CP Đầu tư Vinatex- Tân tạo	6.540	4.249
Tổng cộng		228.730	317.274

- Tổng lượng nước thủy cục tái chế và tái sử dụng trong năm

Nội dung	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Sử dụng nước thủy cục sau xử lý nước thải để rửa nền khu vực hoá thành	m ³	4.000	4.300
Lắp hệ thống hoàn lưu nước thủy cục tưới trực cán trát cao	m ³	450	500
Tổng cộng	m³	4.450	4.800

Tuân thủ về pháp luật môi trường

- Năm 2018, Công ty luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định về công tác bảo vệ môi trường, Văn phòng công ty và 02 xí nghiệp sản xuất ác quy của Công ty được tổ chức NQA CERTIFICATION LIMITED cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2015. Bên

cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục sử dụng hệ thống quản lý môi trường ISO14001: 2015 tại các đơn vị thành viên.; Công ty không bị xử phạt vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam cam kết:

- Tuân thủ pháp luật, các quy định và yêu cầu khác về môi trường có liên quan.
- Thiết lập, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý môi trường phù hợp nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.
- Truyền đạt chính sách môi trường đến mọi nhân viên, các nhà thầu và các bên liên quan nhằm đảm bảo sự tham gia của mọi người.

Các biện pháp:

- Củng cố bộ máy làm công tác bảo vệ môi trường trong đơn vị tinh gọn, hiệu quả.
- Để có thể thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường Công ty đã thành lập ban môi trường từ Công ty đến các xí nghiệp thành viên. Trong Ban có phân công trưởng ban và thường trực môi trường dưới sự quản lý trực tiếp của Ban lãnh đạo Công ty và Xí nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã lập kế hoạch kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường. Cụ thể kinh phí bảo vệ môi trường đã thực hiện trong năm 2018 là 11.343.968.221 đồng.
- Tổ chức kiểm tra giám sát thực hiện công tác bảo vệ môi trường
- 2018, Công ty luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các các quy định về công tác bảo vệ môi trường, Văn phòng công ty và 02 xí nghiệp sản xuất ác quy của Công ty được tổ chức NQA CERTIFICATION LIMITED cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2015. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục sử dụng hệ thống quản lý môi trường ISO14001: 2015 tại các đơn vị thành viên.
- Ngoài ra, Công ty cũng đã tuân thủ những quy định của Chính phủ và các cơ quan liên quan về môi trường, từ đó giảm bớt những tác động có hại đến môi trường từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thêm vào đó, Công ty luôn đầu tư, nâng cấp các thiết bị xử lý khí thải, nước thải, v.v... nhằm duy trì môi trường lao động trong sạch, giữ gìn sức khỏe cho người lao động.
- Công ty đã nâng cao việc kiểm soát môi trường nhờ vào việc giảm thiểu chất thải ngay từ nguồn thải, thu gom, phân loại, lưu giữ theo qui định của Bộ Tài Nguyên Môi Trường và chỉ chuyển giao chất thải cho các Công ty/đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu huỷ chất thải có chức năng được luật pháp cho phép. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.
- Định kỳ Công ty sẽ kiểm tra, đánh giá lại việc hoàn thành các mục tiêu môi trường đã đề ra cũng như đặt ra mục tiêu khác cao hơn nhằm cải thiện môi trường tốt hơn.

Các chỉ tiêu về môi trường:

- Đối với nước thải: Tất cả các xí nghiệp của PINACO đều có đầu tư hệ thống xử lý nước thải 24/24, tất cả nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt thải ra đều được thu gom và xử lý đạt tiêu

chuẩn cho phép: Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp QCVN 40:2011 trước khi thải ra môi trường ngoài hoặc thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Nước thải sau xử lý tại Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai và Xí nghiệp thành viên được tái sử dụng lại, góp phần tiết kiệm nước sử dụng và giảm thiểu tác động môi trường & sử dụng nguồn tài nguyên môi trường (lượng nước tái sử dụng: 40 m³/ ngày).

- Đối với bụi - khí thải: Tất cả các xí nghiệp của PINACO đều có đầu tư hệ thống xử lý bụi, khí thải, tất cả các nơi có phát sinh bụi, hơi khí độc thải, cụ thể như: hệ thống xử lý hơi axit tại các phân xưởng hóa thành của các xí nghiệp sản xuất ắc quy, các hệ thống xử lý bụi, khí độc thải ra từ các nồi nấu chì, kẽm, cưa cắt thè, lắp ráp, v.v . . đạt đạt Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp, QCVN 19:2009.

- Đối với chất thải rắn – Chất thải nguy hại: đầu tư các kho lưu chứa tạm đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường. Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom tái chế và đưa về lại để sử dụng. Cụ thể là xỉ kẽm, xỉ chì, phế liệu chì.

- Đối với chất thải sinh hoạt: ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển và xử lý.

- Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững với các hoạt động thân thiện với môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

- Tính đến thời điểm 31/12/2018, Công ty có 1.204 lao động.
- Công ty thành lập hội đồng An toàn vệ sinh lao động để chỉ đạo, kiểm tra giám sát công tác an toàn vệ sinh lao động trong toàn công ty theo Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015.
- Công ty xây dựng và thực hiện nghiêm Thỏa ước lao động tập thể công ty trình Sở lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt với nhiều điều khoản có lợi cho người lao động như: Tổ chức bồi dưỡng độc hại và khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, mua bảo hiểm tai nạn 24/24, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động,... đúng theo quy định của Nhà nước. Hàng năm tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát để tái tạo sức lao động, Chính quyền và Công đoàn thường xuyên tổ chức các hội thi nấu ăn, hội thao, hội diễn văn nghệ quần chúng để chăm lo vật chất và tinh thần cho CBCNV.

Chính sách đào tạo

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
Gián tiếp		
Tổng số lượt người gián tiếp được đào tạo	người	141
Tổng số giờ đào tạo	giờ	2.444

Trung bình	giờ/người/năm	17
Trực tiếp		
Tổng số người đào tạo	người	1.125
Tổng số giờ đào tạo	giờ	9.000
Trung bình	giờ/người/năm	5
Cấp quản lý		
Số cán bộ quản lý	người	33
Số giờ đào tạo	giờ	264
Trung bình	giờ/người/năm	8
Bình quân chung	giờ/người/năm	11

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với Cộng đồng địa phương

Công tác xã hội, từ thiện trong năm

- Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ nhân viên Công ty, và những cán bộ làm việc lại Công ty nhưng đã nghỉ hưu. Cụ thể là Công ty đã trợ cấp cho cán bộ hưu trí khó khăn, tặng quà cho CB.CNLD hưu trí có huân chương nhân dịp 2/9. Tặng quà mừng thọ cho 31 cụ là cha, mẹ đẻ của CB.CNLD đến đúng tuổi 80, 85 và 90 tuổi trở lên vào dịp Tết. Trợ cấp cho CNLD bị bệnh nằm viện dài ngày, có hoàn cảnh khó khăn. Tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân dịp quốc tế thiếu nhi, tết trung thu. Công ty cũng đã khen thưởng, trao học bổng “Nguyễn Đức Cảnh” cho những cháu là con cán bộ nhân viên Công ty đạt thành tích tốt trong học tập.

- Công ty cũng đã đặt ra cho mình trách nhiệm đối với xã hội, với cộng đồng. Với truyền thống tốt đẹp “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam và của Pinaco, mỗi dịp xuân về Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty tổ chức vận động quyên góp từ Cán bộ công nhân lao động trong công ty để làm công tác xã hội – Đền ơn đáp nghĩa. Trong đó phải kể đến: đóng góp quỹ ASXH của Tập đoàn ; Tặng quà cho cán bộ hưu trí ngành Hóa chất phía Nam; Ủng hộ Quỹ khuyến học; Thăm hỏi, tặng quà nhân Ngày Thương binh liệt sĩ 27/7, trợ giúp khu nuôi dưỡng người già cô đơn, trẻ em nghèo, mồ côi khuyết tật... vào các dịp lễ Tết.v.v...

- Tổng số tiền tham gia hoạt động xã hội từ thiện của đơn vị trong năm trên 1.400 triệu đồng.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2018

1.13. Tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2018

Tình hình chung

Năm 2018 tình hình kinh tế – chính trị thế giới nhiều bất ổn, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng nhất định đến kinh tế nước ta. Nền kinh tế Việt Nam ổn định, chất lượng tăng trưởng ngày càng tốt dần, GDP tăng 7,08% là mức tăng cao nhất trong khoảng 10 năm trở lại đây. Tỷ giá ngoại tệ, lãi vay ngân hàng, chỉ số giá hàng tiêu dùng tăng mức vừa phải, môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện. Định hướng chiến lược phù hợp và đúng đắn của Ban lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực của cán bộ nhân viên đã góp phần giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được kết quả tốt. Các chỉ tiêu đã đề ra như tổng doanh thu, lợi nhuận trước thuế của Công ty đều vượt kế hoạch đề ra. Những điều này đã góp phần tạo nên thương hiệu PINACO dẫn đầu cả nước về thị phần và chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, hệ thống quản lý chất lượng hiệu quả, cũng như nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên Công ty về chất lượng sản phẩm đã giúp Công ty có thể kiểm soát được toàn bộ quá trình sản xuất và giảm thiểu những sai sót về chất lượng có thể xảy ra.

Thuận lợi:

Thương hiệu mạnh, chất lượng sản phẩm ổn định tạo niềm tin cho người tiêu dùng. Hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, rộng khắp tạo sự khác biệt đối với đối thủ góp phần nâng khả năng cạnh tranh của sản phẩm PINACO trên thị trường. Xu thế chuyển từ ắc quy MF (truyền thống) sang ắc quy CMF đối với ắc quy ô tô và VRLA đối với xe gắn máy ngày càng mạnh giúp tiêu thụ các dòng sản phẩm này tăng nhanh. Giá chì, kẽm là 2 loại nguyên liệu chủ yếu tuy đầu năm giá tăng cao nhưng sau đó giảm dần đến cuối năm duy trì mức ở mức thấp giúp công ty hoạt động đạt hiệu quả cao.

Khó khăn:

Sau khi quy hoạch lại sản xuất, năng lực sản xuất bị ảnh hưởng do thiết bị chưa ổn định và tình trạng thiếu lao động khiến sản xuất ắc quy không thể đáp ứng kịp nhu cầu trong nửa đầu năm. Đến cuối năm chúng ta lại không thể đáp ứng kịp nhu cầu bình ắc quy CMF và VRLA tăng cao đột biến trong khi thiết bị đầu tư không kịp nên bình ắc quy CMF và VRLA thiếu nghiêm trọng đến nay vẫn chưa khắc phục xong. Sau khi quy hoạch sắp xếp sản xuất cả 2 nhà máy sản xuất ắc quy đều tăng trưởng nóng dẫn đến phát sinh nhiều vấn đề trong sản xuất như thiết bị hư hỏng nhiều, chất lượng lao động mới tuyển chưa đạt yêu cầu .v.v. ảnh hưởng lớn đến năng suất. Đồng USD tăng giá tác động lên chi phí vay ngoại tệ, giá vật tư đầu vào. Nguồn vốn đầu tư lớn chủ yếu vay từ ngân hàng nên chi phí tài chính tăng cao. Đối thủ cạnh tranh rất quyết liệt cả về giá và chất lượng, Pinaco do thiếu hàng cục bộ phần nào ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh dù chúng ta đã cố gắng để hoàn thành tất cả các chỉ tiêu đề ra, nhưng hậu quả để lại trên thị trường sẽ là rất lớn.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ	2.863.558	3.273.583	114,32%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	250.618	308.144	122,95%

3	Doanh thu thuần bán hàng và cung ứng dịch vụ	2.612.940	2.965.438	113,49%
4	Giá vốn hàng bán	2.294.313	2.549.231	111,11%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng	318.627	416.208	130,63%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	49.561	52.803	106,54%
7	Chi phí tài chính	36.805	58.059	157,75%
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>24.412</i>	<i>43.634</i>	<i>178,74%</i>
8	Chi phí bán hàng	138.198	163.559	118,35%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	43.426	51.263	118,05%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	149.759	196.130	130,96%
11	Thu nhập khác	26.004	1.770	6,81%
12	Chi phí khác	898	566	63,04%
13	Lợi nhuận khác	25.105	1.204	4,80%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	174.865	197.334	112,85%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	39.037	41.269	105,72%
16	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	20	-1.838	-9019,50%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	135.808	157.903	116,27%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	2.683	3.126	116,51%

Mặc dù vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng trong năm qua với sự cố gắng không ngừng nghỉ của đội ngũ cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo đã giúp Công ty giữ vững thị trường và tiếp tục thực hiện những chính sách và kế hoạch tăng trưởng cho năm 2018 và trong tương lai.

Đối mặt với những khó khăn cạnh tranh gay gắt với các đối thủ trong và ngoài nước, đầu năm giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh đe dọa đến tình hình đạt các chỉ tiêu của Đại hội đồng đề ra. Trước tình hình đó Công ty đã tích cực thực hiện siết chặt chi phí, hợp lý hóa sản xuất. Ban lãnh đạo đã phối hợp chặt chẽ với đội ngũ cán bộ công nhân viên đưa ra chính sách và kế hoạch đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể Công ty đã áp dụng nhiều chính sách bán hàng linh hoạt, khai thác

tối đa lợi thế của hệ thống phân phối đã giúp doanh thu trong năm đạt 3.274 tỷ đồng, tăng 14,32% so với cùng kỳ năm 2017 và 9,12% so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 197 tỷ đồng, tăng 12,85% so với cùng kỳ năm 2017 và 36,09% so với kế hoạch đề ra.

Công tác tiêu thụ - thị trường

- Năm 2018 công tác tiêu thụ ắc quy gặp không ít khó khăn, đối thủ cạnh tranh quyết liệt bằng nhiều hình thức như giảm giá, tăng chiết khấu, tăng khuyến mãi để giành giật thị trường. Công ty đã kịp thời đưa ra những chính sách bán hàng phù hợp, đa dạng, đủ sức cạnh tranh với đối thủ, tập trung thúc đẩy tiêu thụ tại từng điểm bán, coi điểm bán là cứ điểm quan trọng trong hệ thống phân phối.

- Triển khai thành công việc phân phối Pin trong hệ thống giúp sản lượng Pin tiêu thụ năm 2018 tăng 10%, doanh thu tăng 17%, là mức tăng trưởng đột phá trong vòng 20 năm qua.

- Thực hiện các chương trình quảng bá thương hiệu nhân dịp World cup và đặc biệt tham gia tài trợ AFF Suzuki Cup thành công đã giúp củng cố hình ảnh, thương hiệu PINACO cả ở thị trường trong nước và khu vực Đông Nam Á.

- Thực hiện điều chỉnh giá định kỳ cho khách hàng xuất khẩu và OEM, đảm bảo lợi ích đôi bên và tăng khả năng cạnh tranh. Trong năm 2018 đã phát triển được 4 khách hàng OEM và mở thêm 3 thị trường xuất khẩu là Saudi Arabia, Indonesia và Uganda.

- Triển khai xong hệ thống DMS giúp quản lý tốt hơn đội ngũ bán hàng và tạo điều kiện để có thể phục vụ khách hàng nhanh chóng và chính xác hơn.

Công tác Kỹ thuật – Sản xuất

- Công ty đã triển khai thành công chương trình di dời và quy hoạch sản xuất ắc quy từ 3 nhà máy thành 2 nhà máy, chuyên môn hóa sản xuất các chủng loại giúp tăng năng lực sản xuất, tiết giảm chi phí.

- Khắc phục xong các nút thắt ở các xí nghiệp ắc quy như cải tiến tank nạp, bổ sung năng lực hóa thành, di dời nhanh máy bột chì, trộn trát từ Xí nghiệp Ắ Quy Sài Gòn về Xí nghiệp Ắ Quy Đồng Nai, mở thêm khuôn ắc quy N70, N85 tại Xí nghiệp Ắ Quy Đồng Nai, chuyển đổi một số dây hóa thành Antimone sang canxi để tăng sản lượng ắc quy CMF, VRLA tại Xí nghiệp Ắ Quy Đồng Nai 2.

- Hoàn thành nghiên cứu công nghệ bình EFB-Q85 theo tiêu chuẩn Nhật, ắc quy viễn thông N150 cao, thiết kế tạo mẫu bình EFB Din theo tiêu chuẩn EN, phát triển bình VRLA Din80 cho Vinfast.

- Đánh giá chất lượng Chì từ các nhà cung cấp mới để chuẩn bị cho công tác mua hàng năm 2019. Kiểm tra, chấn chỉnh các nhà cung cấp có tỷ lệ lỗi chất lượng cao và hỗ trợ nhà cung cấp cải tiến công tác quản lý chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng vật tư cung cấp.

- Củng cố hệ thống quản lý chất lượng, thực hiện nhiều cải tiến nhằm giảm tỷ lệ phế phẩm, nâng chất lượng sản phẩm như cải tiến chương trình nạp ướt bình ắc quy CMF, thay đổi lá cách

binh ắc quy CMF chuyên dùng cho xe taxi, thiết kế sườn cho bình ắc quy ô tô và VRLA, tráng 2 mặt trên máy tráng Sunlight.v.v.

- Tiếp nhận nhanh thiết bị đầu tư như máy bột chì, 5 dây nẹp CMF, dây chuyên lắp ráp ắc quy ô tô KMT, máy xếp lá cách, đưa vào sản xuất ổn định.

Công tác quản lý tài chính

- Theo dõi sát tình hình biến động tỷ giá, lãi suất để đàm phán với các ngân hàng nhằm đạt được lãi suất hợp lý nhất đồng thời quyết định việc vay USD hay VNĐ nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ việc tăng lãi suất và tỷ giá tăng. Dòng tiền được quản lý hiệu quả, tìm kiếm nguồn vốn giá phù hợp đáp ứng đủ cho hoạt động và đầu tư.

- Công ty áp dụng có hiệu quả kết toán quản trị trong điều hành giúp phát hiện các lãng phí trong quá trình hoạt động. Thường xuyên rà soát, quản lý chặt hàng tồn kho, công nợ khách hàng, không để phát sinh nợ khó đòi. Duy trì thường xuyên hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ để đảm bảo tính tuân thủ quy trình và kịp thời chấn chỉnh các sai phạm ở tất cả các mặt hoạt động của Công ty.

1.14. Tình hình tài chính

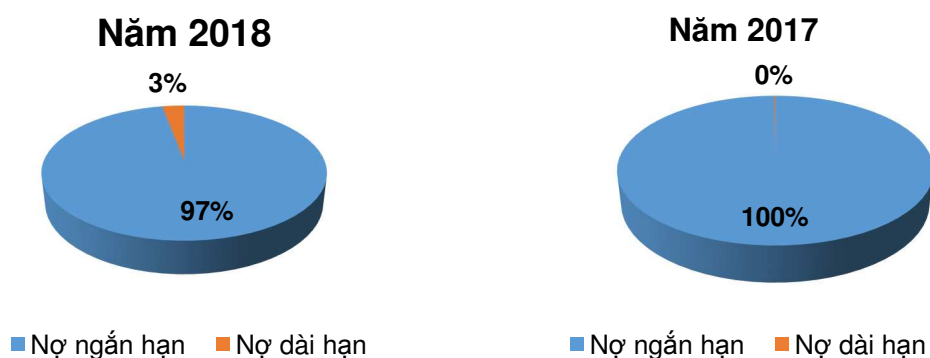
Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.055.594	1.559.088	47,70%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	725.058	713.723	-1,56%
Tổng tài sản	Triệu đồng	1.780.652	2.272.811	27,64%

Tổng tài sản năm 2018 của Công ty đạt 2.273 tỷ đồng, tăng 27,64% so với năm 2017. Trong đó, tài sản dài hạn giảm 1,56%, trong khi tài sản ngắn hạn tăng 47,70%. Tài sản ngắn hạn tăng là do khoản mục tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn tăng (chuyển từ mục đầu tư tài chính dài hạn chuyển qua). Cụ thể, khoản mục tiền tăng 90,11%, khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 55,48%. Tài sản dài hạn của Công ty năm 2018 đạt 714 tỷ đồng, giảm 11 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2017.

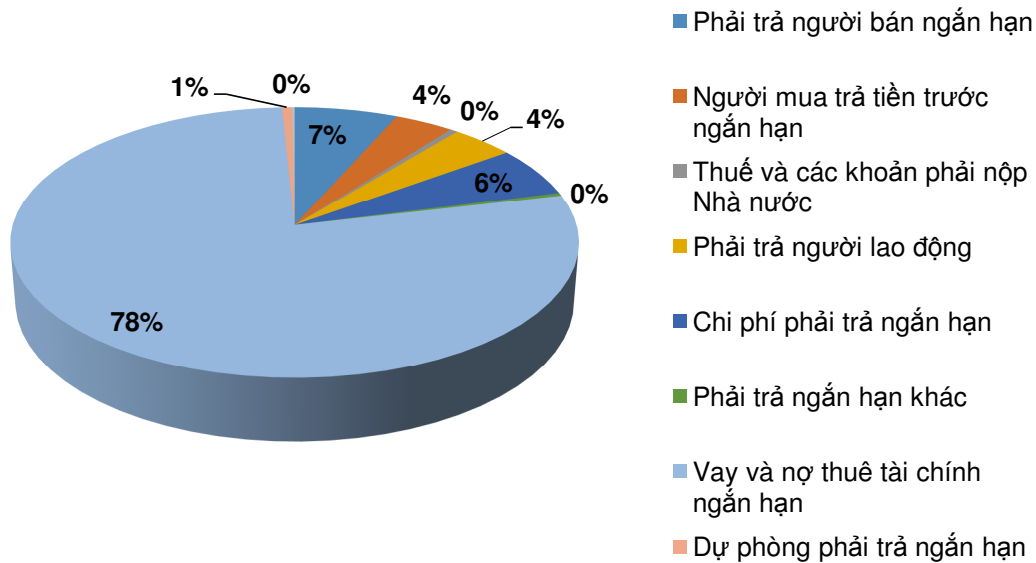
Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	1.108.660	1.623.669	46,45%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	1.734	49.380	2747,67%
Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	1.110.394	1.673.049	50,67%



Tổng nợ phải trả của Công ty năm 2018 đã tăng 50,67%. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng 46,45%, lý do tăng là do lãi suất vay ngắn hạn thấp nên công ty tăng cường vay để tối ưu hóa lợi ích; nợ dài hạn tăng 2.847,67%, lý do tăng là do vay mua đất. Ngoài ra, tỷ trọng nợ ngắn hạn trong cơ cấu nợ phải trả không biến động nhiều. Năm 2018, nợ ngắn hạn chiếm 97,05% trong cơ cấu nợ phải trả. Các khoản nợ nêu trên đều nằm trong khả năng kiểm soát của Công ty.

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	Tỷ trọng
Phải trả người bán ngắn hạn	Triệu đồng	107.963	6,65%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Triệu đồng	61.633	3,80%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Triệu đồng	7.933	0,49%
Phải trả người lao động	Triệu đồng	66.288	4,08%
Chi phí phải trả ngắn hạn	Triệu đồng	97.043	5,98%
Phải trả ngắn hạn khác	Triệu đồng	5.644	0,35%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Triệu đồng	1.264.064	77,85%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	Triệu đồng	10.190	0,63%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	Triệu đồng	2.911	0,18%
Tổng nợ ngắn hạn	Triệu đồng	1.623.669	100%



Khoản mục vay và thuê tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty. Cụ thể, khoản vay này chiếm 77,85% đạt 1.264 tỷ đồng. Trong đó, khoản nợ bằng USD chiếm 54,14% trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty. Ngoài ra, khoản mục phải trả người bán cũng chiếm tỷ trọng cao thứ 2 trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty. Điều này cho thấy, uy tín của Công ty trong việc thanh toán các khoản nợ nhà cung cấp và các khách hàng thân thiết. Như vậy, tình hình hoạt động tài chính của Công ty năm 2018 ổn định và đạt hiệu quả cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh và đóng góp lớn vào kết quả lợi nhuận tăng cao trong năm qua.

1.15. Kế hoạch kinh doanh 2019

1.15.1. Nhận định chung

Năm 2019, kinh tế vĩ mô được đánh giá tiếp tục tăng trưởng ổn định, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 6,5%-6,8%, môi trường đầu tư - kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Theo nhận định của các tổ chức Quốc tế, nền kinh tế thế giới năm 2019 sẽ suy yếu và gặp nhiều khó khăn. Kinh tế Mỹ sau một thời gian tăng trưởng tốt, nay đang đối mặt một số khó khăn và dự báo tốc độ tăng trưởng khó duy trì như các năm vừa qua, kinh tế Trung Quốc đang giảm tốc ngày càng rõ ràng. Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung khó giải quyết trong một sớm một chiều và điều này vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với chúng ta.

Thuận lợi

- Năm 2019 dự báo tình hình kinh tế trong nước tiếp tục xu thế tăng trưởng ổn định, môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện giúp nhu cầu ắc quy tiếp tục đà tăng.
- Về phía công ty: Thương hiệu mạnh, chất lượng sản phẩm ổn định và không ngừng được cải thiện tạo niềm tin cho người tiêu dùng. Các sản phẩm Pin R6, ắc quy VRLA gắn máy, CMF có chất lượng tốt, tiêu thụ mạnh giúp công ty duy trì đà tăng trưởng.

- Sau khi di dời sắp xếp sản xuất từ 3 nhà máy ác quy thành 2 nhà máy đã vận hành ổn định, kết hợp với việc quy hoạch, chuyên môn hóa sản xuất ở từng nhà máy đã giúp tiết giảm chi phí, tăng năng lực sản xuất có thể giải quyết được tình trạng thiếu hàng cục bộ đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Chủ trương thoái vốn nhà nước xuống dưới 51% một mặt sẽ giúp tăng thêm tính chủ động cho doanh nghiệp nhưng cũng đồng thời là thách thức đối với vai trò làm chủ của người lao động, điều kiện hoạt động của các đoàn thể khi Nhà nước không còn chi phối.

Khó khăn

- Cạnh tranh của các đối thủ trong và ngoài nước ngày càng khốc liệt, các đối thủ dùng mọi biện pháp nhắm trực diện vào Công ty đã làm cho việc tiêu thụ ngày càng khó khăn.

- Việc thiếu một số mặt hàng hàng ác quy kéo dài trong năm 2018 cho đến nay làm ảnh hưởng đến công tác tiêu thụ đồng thời tạo cơ hội cho đối thủ cạnh tranh, lấn chiếm thị phần.

- Nhu cầu vốn cho đầu tư sẽ rất cao do phải đầu tư các dự án lớn : Xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp An Phước, văn phòng kho chi nhánh phía Bắc, hệ thống sản xuất sườn cực bằng công nghệ đột dập v.v. ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty trong ngắn hạn.

- Trong năm 2019 dự kiến công ty sẽ phải hoàn thành việc di dời nhà máy Pin Con Ó ra khu công nghiệp Tân tạo không tránh khỏi tác động đến sản xuất và tăng chi phí.

1.15.2. Giải pháp thực hiện

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.400
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	182
Cổ tức	%	12
Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	232
- Xây lắp	Tỷ đồng	60
- Thiết bị	Tỷ đồng	79
- Khác	Tỷ đồng	93

Nhiệm vụ trọng tâm

- Đẩy mạnh sản xuất tiêu thụ, phấn đấu mục tiêu tổng doanh thu 3.400 tỷ, lợi nhuận trước thuế 182 tỷ đồng.

- Đổi mới chính sách tiền lương theo hướng tiền lương, thu nhập gắn với kết quả đóng góp, hiệu quả công việc của mỗi cá nhân và thu nhập tăng 5% so với năm trước.
- rà soát và xây dựng lại hệ thống quản lý chất lượng toàn công ty theo hướng tinh gọn, thực chất và hiệu quả.
- Cải tiến, nâng chất lượng sản phẩm hiện hữu như ắc quy ô tô MF, CMF, xe điện PL&PA, pin R6, R03 và phát triển các dòng sản phẩm mới như ắc quy CMF cao cấp, CMF tải, EFB và VRLA cho xe Ôtô, ắc quy trạm viễn thông, NL tái tạo.v.v...
- Hoàn thành di dời nhà máy Pin Con Ó ra khu công nghiệp Tân Tạo, đầu tư mở rộng nhà máy ắc quy Đồng Nai 2, xây dựng chi nhánh Miền Bắc và làm thủ tục xin phép đầu tư cơ sở 2 nhà máy ắc quy Đồng Nai tại khu công nghiệp An Phước tỉnh Đồng Nai.
- Xây dựng và củng cố văn hóa công ty dựa trên truyền thống văn hóa và các giá trị cốt lõi 4C của Pinaco.

1.15.3. Phương hướng, biện pháp cụ thể

Công tác tiêu thụ - thị trường:

- Luôn theo dõi tình hình thị trường để có những điều chỉnh chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp nhằm cạnh tranh thắng lợi trên từng điểm bán, hoàn thành mục tiêu doanh thu 2019.
- Tiếp tục đẩy mạnh phân phối pin, chú ý đưa hàng vào các siêu thị, cửa hàng tiện lợi để duy trì tốc độ tăng trưởng tiêu thụ pin.
- Chú trọng công tác bán hàng OEM, nâng cao năng lực phục vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Quan tâm kéo giảm tỷ lệ bảo hành sai, hướng dẫn kỹ thuật kiểm tra để các nhà phân phối/đại lý chủ động hơn trong công tác bảo hành. Phản ánh kịp thời các vấn đề chất lượng từ thị trường cho bộ phận kỹ thuật để khắc phục kịp thời.
- Tiếp tục đầu tư phát triển thương hiệu, tăng trưởng doanh số tại khu vực Đông Nam Á. Trọng tâm là các nước : Indonesia, Philippines, Myanmar và Malaysia. Đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm ắc quy CMF, ắc quy PA tại các quốc gia Trung Đông. Tăng cường tham gia các hội chợ, triển lãm quốc tế để tìm kiếm khách hàng & mở thị trường mới khu vực Châu Phi.
- Phập kế hoạch tiêu thụ các sản phẩm mới như ắc quy Tubular, ắc quy trạm.v.v.
- Đẩy mạnh hoạt động marketing quảng bá thương hiệu, chú trọng các hình thức tương tác với khách hàng thông qua các chương trình khuyến mãi, các mạng xã hội và triển khai bán hàng trực tuyến.

Công tác kỹ thuật – sản xuất:

- Tập trung đẩy mạnh sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ đặc biệt đối với các chủng loại bình CMF, VRLA đang có tốc độ tăng trưởng cao.
- Tập trung chấn chỉnh công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chất lượng vật tư đầu vào, làm tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị để bảo đảm chất lượng quá trình sản xuất, kiểm soát

tính tuân thủ quy trình công nghệ, khắc phục kịp thời các lỗi để kéo giảm tỷ lệ phế phẩm, giải quyết nhanh và chính xác các khiếu nại của khách hàng.

- Triển khai quyết liệt các giải pháp tiết kiệm vật tư, chi phí sản xuất, các ý tưởng, cải tiến kỹ thuật, công nghệ để giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh cho công ty trên thị trường.
- Cân đối năng lực máy móc, thiết bị hiện có và đầu tư bổ sung kịp thời, bố trí, sắp xếp lao động hợp lý và tuyển dụng thêm nếu thiếu để đảm bảo sản xuất tăng trưởng 10-15% mỗi năm.
- Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, KCS, QA để kiểm soát chất lượng sản phẩm và nghiên cứu phát triển. Đào tạo tay nghề và ý thức chất lượng cho người lao động, thường phạt nghiêm minh để tăng cường ý thức trách nhiệm và khuyến khích tính tích cực, chủ động.

Công tác đầu tư, nghiên cứu phát triển:

- Ưu tiên đầu tư nhanh thiết bị để tăng sản lượng ắc quy CMF và VRLA đáp ứng nhu cầu tăng trưởng trong thời gian tới.
- Ký kết hợp đồng đào tạo công nghệ với chuyên gia nước ngoài, lập các ban tiếp nhận công nghệ để nghiên cứu nâng cao được chất lượng sản phẩm hiện hữu và sản phẩm mới như :
 - Cải tiến các dòng sản phẩm hiện hữu : Tăng gấp đôi tuổi thọ của bình ắc quy CMF, cải tiến tính năng nhận nạp, tăng tuổi thọ bình xe điện.
 - Phát triển thêm các dòng sản phẩm mới : Ắc quy CMF ô tô cao cấp, CMF tải, EFB và VRLA cho xe ô tô, ắc quy trạm viễn thông và năng lượng tái tạo.v.v...
 - Nghiên cứu hợp kim chì canxi mới để nâng tuổi thọ bình EFB, nâng tuổi thọ bình viễn thông 12V150 cao ≥ 10 năm. Phát triển hợp kim chì Cd cho ắc quy PA 12V12 và PA 12V20.
- Triển khai bước đầu dự án nhà máy ắc quy mới tại KCN An Phước tỉnh Đồng Nai. Xây dựng văn phòng kho tại VSIP Bắc Ninh, xây dựng xưởng lắp ráp ắc quy VRLA tại Nhà máy ắc quy Đồng Nai 2. Hoàn thành di dời Nhà máy Pin Con Ó ra khu công nghiệp Tân Tạo.

Công tác khác:

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện chiến lược tái cơ cấu và phát triển công ty đến năm 2022 và tầm nhìn đến năm 2030. Xây dựng hoàn thiện và ban hành hệ thống quy chế quản lý của công ty theo hướng chuyên nghiệp hiện đại.
- Rà soát tổng thể nguồn nhân lực để có kế hoạch đào tạo và tuyển dụng phù hợp. Tiếp tục hoàn thiện quy trình đánh giá nhân viên, chính sách lương thưởng hợp lý nhằm kích thích sự chủ động, sáng tạo, thu hút và giữ chân được lao động chất lượng cao có thể đáp ứng được yêu cầu phát triển của công ty trong tương lai.
- Tăng cường công tác kiểm soát tính tuân thủ, phát huy hơn nữa bộ phận kế toán quản trị, kiểm toán nội bộ để kiểm soát, phòng ngừa rủi ro.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm 2018

1.1. Đánh giá chung tình hình năm 2018 :

- Năm 2018, diễn ra trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động; Tình hình trong nước: Chính phủ và các Bộ, Ngành điều hành theo mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững; lạm phát được kiểm soát, mặt bằng lãi suất cho vay của các ngân hàng tương đối ổn định, biến động tỷ giá không nhiều,... giúp công ty chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tình hình thế giới: cuộc chiến thương mại Mỹ -Trung, tình hình chính trị bất ổn nhiều khu vực... có tác động không nhỏ tới thị trường xuất khẩu của Công ty.

- Đối với Pinaco, ngoài những tác động từ thuận lợi và khó khăn nêu trên, sản xuất kinh doanh của Công ty có những thuận lợi, khó khăn sau:

+ Thuận lợi: giá nguyên liệu chính duy trì ổn định và ở mức thấp hơn dự kiến giúp hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định; bộ máy lãnh đạo có kinh nghiệm; đội ngũ lao động có chất lượng, tâm huyết;... là động lực quan trọng cho sự ổn định và phát triển của Công ty .

+ Khó khăn:

Sau khi quy hoạch lại sản xuất năng lực sản xuất bị ảnh hưởng do thiết bị chưa ổn định, đầu tư mới, đầu tư bổ sung chưa đáp ứng so tiến độ và yêu cầu thị trường hơn nữa tình trạng thiếu lao động khiến sản xuất ắc quy không thể đáp ứng kịp nhu cầu dẫn đến tình trạng thiếu hàng kéo dài nhất là đối với 02 chủng loại CMF và VRLA;

Đồng USD tăng giá tác động lên chi phí vay ngoại tệ, giá vật tư đầu vào và gây khó khăn cho xuất khẩu; hơn nữa, trong xu thế toàn cầu nên cạnh tranh ngày càng quyết liệt.

Bám sát mục tiêu kế hoạch và nhiệm vụ đã được Đại Hội đồng cổ đông thường niên giao, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành nhằm hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng theo đúng Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông đề ra.

1.2. Kết quả kinh doanh năm 2018 (một số chỉ tiêu chủ yếu):

DVT: Tỷ đồng

STT	Nội dung các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh (%)	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	2.864	3.000	3.274	114	109
2	Lợi nhuận trước thuế	174	145	195	112	134
3	Lợi nhuận sau thuế	135		156	116	
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	3.037		3.026	99,6	
5	Cổ tức	45%	≥15%	(*) 20%	44	133
6	Vốn điều lệ (làm tròn số)	465		465	100	

Ghi chú:

(*) Công ty đã chia tiền mặt 15% (lần 1 chia 8% vào tháng 10/2018, lần 2 chia 7% vào tháng 12/2018), như vậy kế hoạch cổ tức năm 2018 đã hoàn thành. Tuy nhiên, với hiệu quả kinh doanh đạt được, HĐQT dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chia cổ tức cho năm 2018 là 20% và trả bằng tiền mặt.

1.3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT năm 2018:

Năm 2018, năm thứ 2 của Nhiệm kỳ HĐQT 05 năm giai đoạn 2017-2022, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan cụ thể như sau:

+ Đối với công tác chỉ đạo, HĐQT đã xác định các vấn đề trọng tâm trong sản xuất kinh doanh và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định đúng đắn, phù hợp, kịp thời; đồng thời cùng Ban Điều hành tập trung giải quyết các vấn đề theo thẩm quyền được Đại Hội đồng cổ đông giao.

+ Trong năm qua, cơ cấu thành viên HĐQT không thay đổi.

Đánh giá chung: HĐQT và Ban điều hành đã phối hợp tốt, có hiệu quả và hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên đề ra.

2. Thông tin hoạt động HĐQT, Ban Giám đốc Công ty năm 2018

2.1. Cơ cấu Hội đồng Quản trị:

Gồm năm thành viên (một Chủ tịch và bốn thành viên), như sau:

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017
2	Ông Trần Thanh Văn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 27/4/2017
3	Ông Shinichiro Ota	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017
4	Bà Lương Thị Anh Đào	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017
5	Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017

2.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng Quản trị có năm thành viên đều tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản lý; trách nhiệm của từng thành viên HĐQT:

Ông Phạm Thanh Tùng – Chủ tịch HĐQT: Chỉ đạo chung mọi hoạt động của Hội đồng quản trị; Trực tiếp phụ trách công tác chiến lược và công tác tổ chức nhân sự.

Ông Trần Thanh Văn- Thành viên HĐQT/TGD: Chỉ đạo điều hành toàn bộ hoạt động Ban Tổng giám đốc; Phụ trách chung mảng công bố thông tin của HĐQT; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

Ông Shinichiro Ota - Thành viên HĐQT: Hỗ trợ công ty trong việc phát triển khách hàng Nhật Bản tại Việt Nam và các nước trong khu vực; Phụ trách phát triển bền vững, công tác môi trường; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

Bà Lương Thị Anh Đào - Thành viên HĐQT: Phụ trách công tác tài chính - kế toán; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

Ông Nguyễn Văn Chung - Thành viên HĐQT : Phụ trách công tác đầu tư xây dựng; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

- Trong năm 2018, HĐQT tổ chức họp định kỳ hàng quý (không kể họp bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản), cụ thể tổ chức 05 cuộc họp và đã ban hành 51 Nghị quyết, Quyết định (chi tiết theo phụ lục đính kèm); đã kịp thời đưa ra các chỉ đạo quản trị phù hợp với nhu cầu diễn biến của sản xuất và kinh doanh và đầu tư phát triển.

- Về mối quan hệ với cổ đông và công bố thông tin: HĐQT tuân thủ Quy chế quản trị theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với các công ty niêm yết; thực hiện đúng quy định việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông trên trang Website Công ty, UBCK NN, Sở GDCK HCM. Tuy nhiên, Pinaco cũng giống như mô hình một số các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay cũng gặp vướng mắc như chưa có thành viên HĐQT độc lập, Công ty sẽ phải xem xét, hoàn thiện trong thời gian tới.

- Về việc thực hiện phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức: Thực hiện đúng Nghị quyết về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức năm đúng theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua năm 2018. Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành chia cổ tức 15% cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt;

- Việc trả thù lao và chi phí cho HĐQT: Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm qua được thực hiện đúng theo mức nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Các nội dung khác:

+ HĐQT đã thực hiện tốt việc phối hợp, cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin... theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chức năng của mình trong quản lý điều hành doanh nghiệp.

+ Công tác đoàn thể: HĐQT tạo điều kiện để các hoạt động của Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên... đóng góp tích cực trong việc động viên cán bộ công nhân viên tích cực thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực; phát huy truyền thống, văn hoá doanh nghiệp của Pinaco.

2.3 Tổng thù lao HĐQT năm 2018 là 324.000.000 đồng.

Trong đó:

§ Thù lao Chủ tịch HĐQT: 108.000.000 đồng.

§ Thù lao của các thành viên: 216.000.000 đồng.

2.4. Hoạt động của Ban điều hành công ty:

Ban điều hành Công ty gồm có bốn (04) thành viên đều có trình độ đại học trở lên; Trong đó có 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng; đến thời điểm Đại hội danh sách Ban điều hành như sau:

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Trần Thanh Văn	Tổng Giám đốc	
2	Ông Lê Văn Năm	Phó TGD phụ trách Kỹ thuật – Sản xuất	
3	Ông Đào Ngọc Minh Tiến	Phó TGD phụ trách Bán hàng – Thị trường	
4	Ông Nguyễn Duy Hưng	Kế toán trưởng	

Đánh giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành: Năm 2018, Ban điều hành công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại Hội đồng Cổ đông, HĐQT giao.

3. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

3.1. Nhận định tình hình chung:

Năm 2019, kinh tế thế giới được dự báo là vẫn diễn biến phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức; chiến tranh thương mại, biến động tỷ giá, lãi suất, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vừa là cơ hội vừa là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp. Trong nước, Chính phủ tiếp tục kiên trì mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và điều hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường sẽ xuất hiện những thuận lợi và khó khăn đan xen lẫn nhau.

Đối với ngành pin ắc quy, không chỉ ngày càng nhiều đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước với thương hiệu mạnh xuất hiện mà còn với sự gia tăng về quy mô công suất, sự linh hoạt trong điều chỉnh chính sách bán hàng... của các đối thủ cạnh tranh hiện có với tiềm lực tài chính mạnh sẽ dẫn tới cạnh tranh ngày càng quyết liệt;

Hơn nữa, Cổ đông 51% đang triển khai kế hoạch thoái bớt phần vốn tại Pinaco theo chủ trương của Chính phủ, đây vừa là thách thức vừa là cơ hội cho Công ty cổ phần Pin Ắc quy miền Nam để phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Căn cứ tình hình thực tế, HĐQT trình Đại Hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, phương hướng quản trị, điều hành gồm một số chỉ tiêu chính sau:

- + Tổng doanh thu: 3.400 tỷ đồng, bằng 104% so với thực hiện năm 2018.
- + Lợi nhuận trước thuế: 182 tỷ đồng.
- + Cổ tức: Tối thiểu là 12%.

3.3. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao cho;

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt chủ trương thoái vốn của Cổ đông 51% theo đúng các quy định của pháp luật đồng thời đảm bảo cho việc phát triển bền vững của Pinaco trong thời gian tới;

- Tiếp tục sửa đổi ban hành quy chế, quy định quản lý... cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Tiếp tục rà soát và thực hiện các nội dung liên quan đầu tư phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Bên cạnh đó, phát huy tối đa các nguồn lực hiện có để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, lợi thế của doanh nghiệp;

- Tăng cường kiểm soát các chi phí, thực hành tiết kiệm, phát huy sáng kiến cải tiến trong mọi hoạt động của Công ty... nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, kiện toàn nhân lực, đảm bảo nhân lực có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cùng khả năng quản lý đáp ứng với quá trình phát triển của doanh nghiệp và hội nhập quốc tế.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp và đã ban hành 53 Nghị quyết/Quyết định cụ thể :

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	Số 72/NQ-HĐQT/2018	30/01/2018	- Thành lập Tổ kiểm tra chi phí bán hàng.
2	Số 74/QĐ-HĐQT	31/01/2018	- Thành lập Tổ kiểm tra phí bán hàng năm 2016.

3	Số 75/QĐ-HĐQT	31/01/2018	- Thành lập Tổ xác minh.
4	Số 92/NQ-HĐQT/2018	08/02/2018	- Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2017 (chưa kiểm toán) và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm quý I/2018.
5	Số 98/NQ-HĐQT/2018	13/02/2018	- Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
6	Số 112/NQ-HĐQT/2018	27/02/2018	- Thông qua số liệu BCTC năm 2017 chưa kiểm toán theo Tờ trình số 45/PA-BĐH ngày 29/01/2018 của Tổng giám đốc. - Thống nhất đề nghị Tổng giám đốc chỉ đạo các bộ môn phối hợp trong việc cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ thẩm định BCTC năm 2017 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 như đề xuất của Ban kiểm soát. - Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2017. - Thông qua chủ trương bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai 2 (02 vị trí) do bị khuyết theo đề nghị của Tổng Giám đốc. - Thông qua việc tái ký Hợp đồng tín dụng với ngân hàng TMCP Quân đội (MB) và NH Shinhan Việt Nam và đồng ý ký vào Biên bản họp HĐQT.
7	Số 128/NQ-HĐQT/2018	12/03/2018	- Thống nhất Báo cáo kết quả của Tổ kiểm tra chi phí bán hàng. - Thống nhất kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 theo Tờ trình số 41/PA-BĐH ngày 26/01/2018 của Tổng giám đốc. - Yêu cầu Ông Trần Thanh Văn – Tổng giám đốc và Ông Shinichiro Ota – TV. HĐQT - đại diện “FB” khẩn trương triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết số 508/PA-HĐQT ngày 24/10/2017 của ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 581/NQ-HĐQT/2017 ngày 01/11/2017 của HĐQT Công ty về hợp tác với Công ty TNHH Furukawa Battery (FB) sớm trình HĐQT xem xét.
8	Số 140/NQ-HĐQT/2018	19/03/2018	- Thông qua điều chỉnh quỹ tiền lương thực hiện năm 2017.
9	Số 155/NQ-HĐQT/2018	28/03/2018	- Thông qua Quy chế Tổ chức cán bộ và Quy

			chế lương, thưởng và phụ cấp.
10	Số 167/PA-QĐ-HĐQT	31/03/2018	- Ban hành Quy chế Tổ chức cán bộ của Công ty Cổ phần Pin Ác quy miền Nam, được áp dụng trong nội bộ Công ty.
11	Số 168/PA-QĐ-HĐQT	31/03/2018	- Ban hành Quy chế trả lương, thưởng và phụ cấp của Công ty Cổ phần Pin Ác quy miền Nam, được áp dụng cho nội bộ Công ty.
12	Số 175/QĐ-HĐQT	04/04/2018	- Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
13	Số 215/PA-QĐ-HĐQT	23/04/2018	- Ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương đóng BHXH áp dụng cho CB.CNLD thuộc Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam.
14	Số 216/QĐ-HĐQT	23/04/2018	- Phê duyệt chủ trương thực hiện dự án đầu tư tại VSIP Bắc Ninh.
15	Số 219/PA-HĐQT	23/04/2018	<p>Nghị quyết thông qua nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 Pinaco trình ĐHĐCĐ phê duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018, trình ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt. - Thông qua báo cáo hoạt động của Ban điều hành năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018, trình ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt. - Thông qua báo cáo hoạt động Ban kiểm soát (“BKS”) năm 2017 và kế hoạch kiểm soát năm 2018, trình ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt. - Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán, trình ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt. - Thông qua mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 và dự kiến mức thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2018, trình ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt. - Thông qua trích bổ sung các quỹ năm 2016, trình ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt. - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2017, trình ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt. - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2018, trình ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt. - Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018, trình ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt. - Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để phù hợp với quy định mới áp dụng đối với

			<p>công ty đại chúng, trình ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt.</p> <p>- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, được sửa đổi để phù hợp với quy định mới áp dụng đối với công ty đại chúng, trình ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt.</p> <p>- Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022, trình ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt.</p>
16	Số 220/NQ-HĐQT/2018	23/04/2018	<p>- Thông qua nội dung các Báo cáo, Tờ trình và Dự thảo Điều lệ tổ chức hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để chính thức trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.</p> <p>- Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh quý I/2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm quý II/2018.</p> <p>- Một số nội dung khác yêu cầu Tổng giám đốc thực hiện như:</p> <p>+ Thực hiện công tác Đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật và các quy định khác có liên quan; sớm trình Kế hoạch tổng thể về đầu tư phát triển (ít nhất trong 3 năm 2018-2020) để Hội đồng quản trị xem xét;</p> <p>+ Báo cáo đánh giá năng lực sản xuất, khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường, hiệu quả sản xuất kinh doanh... Quý I, Quý II và 6 tháng đầu năm 2018 sau khi thực hiện quy hoạch lại sản xuất.</p>
17	Số 236/QĐ-HĐQT	26/04/2018	- Thành lập Ban xây dựng chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2018 – 2022 và tầm nhìn đến năm 2030.
18	Số 253/QĐ-HĐQT	02/05/2018	- Thống nhất cử cán bộ đi tham quan, đánh giá nhà cung cấp tại Hàn Quốc.
19	Số 291/NQ-HĐQT/2018	01/06/2018	- Thông qua danh sách giới thiệu rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch hàng năm các vị trí Người quản lý và Cán bộ quản lý Công ty giai đoạn 2018-2021.
20	Số 295/NQ-HĐQT/2018	08/06/2018	- Quyết toán cổ tức đợt 3 năm 2017.
21	Số 318/NQ-HĐQT/2018	21/06/2018	- Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018.
22	Số 340/NQ-HĐQT/2018	03/07/2018	- Thông qua danh sách giới thiệu rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch hàng năm các vị trí

			Người quản lý và Cán bộ quản lý Công ty giai đoạn 2018-2021 (Bước 2).
23	Số 345/NQ-HĐQT/2018	09/07/2018	- Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch ĐTXD năm 2018.
24	Số 367/NQ-HĐQT/2018	16/07/2018	- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sửa chữa lớn năm 2018.
25	Số 383/NQ-HĐQT/2018	16/07/2018	- Nhất trí thông qua danh sách giới thiệu rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch hàng năm các vị trí Người quản lý và Cán bộ quản lý Công ty giai đoạn 2018-2021 (Bước 4). - Nhất trí thông qua chủ trương bổ nhiệm lại đối với các chức danh Người quản lý và Quản lý cấp trung Công ty (Bước 1).
26	Số 384/NQ-HĐQT/2018	16/07/2018	- Thông qua kết quả thực hiện SXKD Quý II và 06 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch SXKD Quý III/2018. - Ghi nhận số liệu báo cáo, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư 06 tháng đầu năm 2018; Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng “Xưởng rửa cát thẻ chì tại Xí nghiệp Ác quy Đồng Nai 2” theo đề nghị của Tổng giám đốc. - Ghi nhận nội dung báo cáo đánh giá của Tổng giám đốc sau quy hoạch lại sản xuất 6 tháng đầu năm 2018. - Thống nhất với đề nghị Tổng giám đốc cho lùi tiến độ hoàn thành chiến lược phát triển đến quý IV năm 2018. - Thông qua các quy chế: Quản lý Tài chính, Quản lý nợ, Chi tiêu nội bộ (có bổ sung hoàn thiện theo góp ý của các thành viên HĐQT). - Lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại khu đất số 752 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ Tài chính; Xây dựng kế hoạch thoái vốn ra khỏi lĩnh vực bất động sản theo nội dung Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ và theo đúng quy định của pháp luật về thoái vốn, nhằm bảo toàn được vốn đầu tư.
27	Số 395/NQ-HĐQT/2018	30/07/2018	- Nhất trí thông qua Danh sách bổ nhiệm lại các vị trí Người quản lý Công ty (Bước 2).
28	Số 406/QĐ-PA-HĐQT	06/08/2018	- Phê duyệt đầu tư Dự án đầu tư xây dựng xưởng rửa cát thẻ chì tại Xí nghiệp ác quy Đồng Nai 2.

29	Số 437/NQ-HĐQT/2018	22/08/2018	- Thông qua chủ trương tái ký hợp đồng tín dụng vay ngắn hạn với các ngân hàng.
30	Số 453/NQ-HĐQT/2018	30/08/2018	- Thống nhất phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án “Đầu tư xây dựng xưởng rửa cát thể chùi tại XN ắc quy Đồng Nai 2”.
31	Số 455/QĐ-PA-HĐQT	30/08/2018	- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Đầu tư xây dựng xưởng rửa cát thể chùi tại Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2.
32	Số 471/NQ-HĐQT/2018	07/09/2018	- Thống nhất phê duyệt dừng triển khai dự án “Thuê đất tại KCN Dệt May Nhơn Trạch”. - Thống nhất phê duyệt dự án “Thuê đất tại KCN An Phước – Tỉnh Đồng Nai”.
33	Số 472/QĐ-PA-HĐQT	07/09/2018	- Phê duyệt dự án thuê đất tại KCN An Phước, tỉnh Đồng Nai.
34	Số 508/NQ-HĐQT/2018	21/09/2018	- Thống nhất phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu cung cấp “02 lò ủ thể và máy sấy thể dương” thuộc dự án đầu tư “Tăng công suất lá cực 1.250.000 Kwh/năm tại Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2”.
35	Số 509/QĐ-PA-HĐQT	21/09/2018	- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu cung cấp lò ủ thể và máy sấy thể dương để sản xuất ắc quy thuộc dự án đầu tư tăng công suất lá cực lên 1.250.000 kWh/năm tại XN Ắc Quy Đồng Nai 2.
36	Số 510/NQ-HĐQT/2018	24/09/2018	- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018.
37	Số 513/NQ-HĐQT/2018	26/09/2018	- Nhất trí thông qua dự thảo văn bản gửi Cơ quan Nhà nước liên quan.
38	Số 521/NQ-HĐQT/2018	26/09/2018	- Nhất trí thông qua danh sách dự kiến bổ nhiệm lại các vị trí Người quản lý Công ty: Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật và Kế toán trưởng Công ty (Bước 4).
39	Số 535/NQ-HĐQT/2018	03/10/2018	- Nhất trí thông qua danh sách giới thiệu rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch hàng năm các vị trí Người quản lý và Cán bộ quản lý Công ty giai đoạn 2018-2021 (Bước 6).
40	Số 536/QĐ-HĐQT	03/10/2018	- Ban hành “Danh sách quy hoạch các chức danh Hội đồng quản trị, Người quản lý và Cán bộ quản lý Công ty giai đoạn 2018-2021.
41	Số 572/QĐ-HĐQT	15/10/2018	- Cử Ông Trần Thanh Văn - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty đi công tác ngắn hạn tại Malaysia.

42	Số 589/NQ-HĐQT/2018	23/10/2018	- Chấp thuận chủ trương thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Pin Ác quy miền Nam tại Khu Công nghiệp An Phước – tỉnh Đồng Nai; Chi nhánh Công ty tại Khu Công nghiệp An Phước – tỉnh Đồng Nai thực hiện đăng ký các ngành nghề “Sản xuất pin và ắc quy” và “Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm pin, ắc quy, vật tư, thiết bị cho sản xuất, kinh doanh pin, ắc quy” và “Vận tải hàng hóa bằng đường bộ”.
43	Số 594/QĐ-HĐQT	25/10/2018	- Cử Ông Trần Thanh Văn - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty đi công tác ngắn hạn tại Ấn Độ.
44	Số 600/QĐ-HĐQT	29/10/2018	- Thành lập chi nhánh tại KCN An Phước.
45	Số 609/NQ-HĐQT/2018	31/10/2018	- Thông qua kết quả thực hiện SXKD Quý III và 09 tháng đầu năm 2018 và Công tác đầu tư xây dựng 09 tháng đầu năm 2018.
46	Số 610/NQ-HĐQT/2018	31/10/2018	- Triển khai thực hiện thoái vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Pinaco. - Thống nhất với đề nghị Tổng giám đốc cho lùi tiến độ (lần thứ hai) hoàn thành chiến lược phát triển đến nửa cuối Quý IV năm 2018. - Thông qua báo cáo tiến độ xây dựng các Quy chế quản trị nội bộ Công ty của Tổng giám đốc năm 2018. - Thống nhất chủ trương lựa chọn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp. HCM (Vietcombank) là nhà tài trợ cho vay vốn trung dài hạn để thuê lại đất tại KCN An Phước, tỉnh Đồng Nai. - Tiếp tục thực hiện các kết luận, kiến nghị đang được thực hiện của Kiểm toán Nhà nước. - Thực hiện các quy định về Quản trị Công ty theo văn bản nhắc nhở số 1428/SGDHCM-NY ngày 04/9/2018 của Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.
47	Số 611/NQ-HĐQT/2018	31/10/2018	- Thông qua mức dự kiến kế hoạch thu, chi quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018.
48	Số 722/NQ-HĐQT/2018	14/11/2018	- Chấp thuận việc nâng lương đóng Bảo hiểm xã hội đối với Ông Lê Văn Năm – Phó Tổng giám đốc kỹ thuật sản xuất và Ông Nguyễn Duy Hưng – Kế toán trưởng Công ty.
49	Số 723/QĐ-HĐQT	14/11/2018	- Nâng lương đóng Bảo hiểm xã hội năm 2018 cho Ông Lê Văn Năm – Phó Tổng giám đốc kỹ thuật sản xuất Công ty.

50	Số 724/QĐ-HĐQT	14/11/2018	- Nâng lương đóng Bảo hiểm xã hội năm 2018 cho Ông Nguyễn Duy Hưng – Kế toán trưởng Công ty.
51	Số 744/NQ-HĐQT/2018	29/11/2018	- Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2018.
52	Số 765/NQ-HĐQT/2018	11/12/2018	- Nhất trí thông qua chủ trương bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai đối với Ông Trần Mạnh Thắng để triển khai các bước tiếp theo đúng quy định.
53	Số 792/NQ-HĐQT/2018	27/12/2018	- Nhất trí thông qua chủ trương điều động, luân chuyển Ông Phạm Gia Vinh – Giám đốc Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai 2 sang giữ chức Trưởng phòng KT-QA Công ty và giới thiệu Ông Nguyễn Điền Phước Chân – Trưởng phòng KT-QA Công ty về thay thế và giữ chức Giám đốc Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai 2.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

3.1. Hội đồng quản trị

3.1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thành viên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại PAC	Loại hình sở hữu cổ phần tại PAC
1	Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT		0.00%	Cá nhân
				21.18%	Đại diện Tập đoàn HCVN
2	Lương Thị Anh Đào	Thành viên HĐQT		0.00%	Cá nhân
				20.17%	Đại diện Tập đoàn HCVN
3	Nguyễn Văn Chung	Thành viên HĐQT		0.00%	Cá nhân
				10.08%	Đại diện Tập đoàn HCVN
4	Trần Thanh văn	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Thành viên điều hành	0.09%	Cá nhân
5	Shinichiro Ota	Thành viên HĐQT		0.00%	Cá nhân

Đại diện THE
10.54% FURUKAWA BATTERY
CO., LTD.

3.1.2. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có

3.1.3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
2	Lương Thị Anh Đào	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
3	Nguyễn Văn Chung	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
4	Trần Thanh văn	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
5	Shinichiro Ota	Thành viên HĐQT	5/5	100%	

3.1.4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp và đã ban hành 53 Nghị quyết/ Quyết định (Nội dung chi tiết theo Báo cáo đánh giá của HĐQT).

3.1.5. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Tất cả thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

3.2. Ban kiểm soát

3.2.1. Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại PAC	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trưởng ban	0,006%	
2	Bùi Thu Hằng	Thành viên	0,00%	Từ nhiệm ngày 23/04/2018
3	Trần Thị Kiều Ly	Thành viên	0,00003%	

4	Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên	0,00%	Bổ nhiệm ngày 24/04/2018
---	------------------	------------	-------	-----------------------------

3.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên.

Stt	Số biên bản	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ tham gia
1	01/BBH-BKS/2018	10/3/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét Đơn từ nhiệm của Bà Bùi Thị Thu Hằng – TV. Ban kiểm soát. - Triển khai công tác hoạt động của BKS chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm 2018. 	2/3
2	02/BBH-BKS/2018	30/3/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai công tác hoạt động của BKS. - Thống nhất nội dung đề xuất Công ty cung cấp hồ sơ tài liệu phục vụ công tác thẩm tra BCTC năm 2017. - Thống nhất nội dung Báo cáo Ban Kiểm Soát năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018. Triển khai công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông năm 2018. - Trình HĐQT bằng chào giá của các công ty kiểm toán về việc kiểm toán báo cáo năm 2018 trước ngày 20/04/2018. - Đưa ra ý kiến về nội dung cuộc họp ngày 17/03/2018 của Ban giám đốc Công ty CP Pin Ác quy Miền nam về việc. 	2/3
3	03/BBH-BKS/2018	28/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công lại nhiệm vụ các thành viên BKS. - Lập kế hoạch và triển khai công tác kiểm tra hồ sơ, tài liệu phục vụ thẩm định BCTC 06 tháng năm 2018. - Lập Tờ trình đề nghị HĐQT/ TGD xem xét, quyết định lựa chọn Đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2018 của Pinaco. - Nghe báo cáo của Bà Ánh – Trưởng BKS về việc không tiếp tục tham gia Tổ công tác thẩm tra Báo cáo quyết toán 	3/3

			dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư xây dựng do TGD quyết định đầu tư theo Quyết định số 596/QĐ-PA ngày 25/12/2015 của TGD Công ty.	
4	04/BBH-BKS/2018	25/6/2018	- Nghe báo cáo của Bà Ly – đại diện BKS tham gia cuộc họp với Ban Tổng giám đốc Công ty vào ngày 17/3/2018 về chủ trương huy động tiền của Người Lao động để mua cổ phiếu PAC và các nội dung khác có liên quan.	3/3
5	10/BBH-BKS/2018	14/8/2018	- Đưa ý kiến trả lời văn bản cho Tổ xác minh	3/3

- Ban kiểm soát có đại diện tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị :
- + Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý Công ty.
- + Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, quyết định, quy chế, chỉ thị của Tập đoàn/Công ty.
- + Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của công ty.
- + Xem xét Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- + Đánh giá việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn, việc ban hành và thực hiện Quy chế tài chính, Quy định nội bộ của Doanh nghiệp, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

3.2.3. Kết quả giám sát của Ban kiểm soát:

Về tổ chức bộ máy

- Trong năm 2018, Nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty như sau:
 - + Hội đồng quản trị: Số lượng và cơ cấu không thay đổi, gồm 05 thành viên:
 - 1) Ông Phạm Thanh Tùng : Chủ tịch HĐQT
 - 2) Bà Lương Thị Anh Đào : Thành viên
 - 3) Ông Nguyễn Văn Chung : Thành viên
 - 4) Ông Shinichiro Ota : Thành viên
 - 5) Ông Trần Thanh Văn : Thành viên
 - + Ban kiểm soát: Thay đổi nhân sự : Bà Trần Thị Kiều Ly thay bà Bùi Thị Thu Hằng.
- Ban kiểm soát đã tham gia giám sát quá trình bầu cử bổ sung các thành viên BKS theo đúng Điều lệ Công ty và trình tự thủ tục bầu cử theo thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tất cả các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đều vượt mức chỉ tiêu so với kế hoạch đặt ra, chi tiết cụ thể như sau :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh (%)	
			2018	2018	2017	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	3.274	3.000	2.864	109	114
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	197	145	174	136	113
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	157		135		116
4	Thu nhập B/q 01 CBCNV/tháng	Tr.đồng	14,9		12,9		115
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	ĐỒNG	3.162		2.683		118
6	Cổ tức	%	20 (*)	≥15	45%	133(*)	44
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	465		465		100

(*) Đã tạm ứng tiền mặt 15%, dự kiến chia thêm 5% và chờ ĐHCĐ thông qua.

3.2.4. Nhận xét, đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, Tổng giám đốc, BCTC đã kiểm toán năm 2018.

Đối với Hội đồng quản trị (HĐQT):

Đã quản lý, chỉ đạo hoạt động của đơn vị theo đúng Pháp Luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra cụ thể như sau:

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt hiệu quả cao cả về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều vượt mức kế hoạch đặt ra.
- Đã sửa đổi, bổ sung ban hành 53 Nghị quyết, Quyết định phục vụ công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với quy định của Nhà nước, chỉ đạo của cấp trên.
- Tiếp tục chỉ đạo sửa đổi bổ sung và ban hành mới một số Quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và Luật Doanh nghiệp 2014 ban hành hiệu lực 01/07/2015.
- Tổ chức triển khai thực hiện chủ trương thoái vốn của Cổ đông 51% theo đúng các quy định của pháp luật.

Hoạt động quản lý điều hành của Tổng giám đốc:

Đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Pháp Luật Nhà Nước, Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty, đa số các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành.

***/ Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018.**

- Tất cả các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đều vượt mức chỉ tiêu so với kế hoạch đặt ra.

***/ Công tác tổ chức quản lý.**

- Công ty đã tổ chức Hội nghị Người lao động để CB.CNLD tham gia đóng góp ý kiến và tiến tới ký kết Thỏa ước lao động tập thể số 450/PA-CĐ ngày 02/6/2018 giữa Tổng giám đốc (NSDLĐ) và Công đoàn là người đại diện cho lao động; Sau đó, Công ty kết hợp với Công đoàn sửa đổi bổ sung một số nội dung và ban hành Thỏa ước lao động tập thể số 736/PA-CĐ ngày 29/8/2018, đồng thời đăng ký nội quy lao động theo văn bản số 22817/TB-SLĐTBXH-LĐ ngày 28/8/2018 của Sở Lao động và thương binh và xã hội.
- Công ty đã kịp thời xây dựng chủ trương và triển khai thực hiện thành lập quỹ mua cổ phiếu PAC để tạo sự gắn kết giữa Công ty và người lao động ngay sau khi có chủ trương thoái vốn của Cổ đông 51%.

***/ Thực hiện các dự án đầu tư.**

- Công ty thực hiện dự án “Thuê đất 8,7 ha tại KCN An Phước, Tỉnh Đồng Nai” với tổng mức đầu tư 159,8 tỷ đồng và thành lập Chi nhánh của Công ty tại tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sẽ di dời Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai tại KCN Biên Hòa 1 về vị trí này.
- Các dự án đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị như: Đầu tư dây chuyền lắp ráp, xây dựng nhà kho chính và một số thiết bị lẻ đã được thực hiện và đưa vào sử dụng để tăng công suất cùng với việc quy hoạch lại sản xuất ắc quy.

***/ Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động.**

- Các chế độ, quyền lợi của CB.CNLD đa số được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty. Việc chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định, thu nhập bình quân CB.CNV tăng 15% so với năm 2017.

Các Tổ chức chính trị xã hội như bộ máy hoạt động Công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được thực hiện và quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật doanh nghiệp, Các chế độ thi đua khen thưởng, thăm quan du lịch trong và ngoài nước, phong trào văn hoá văn nghệ, thể thao luôn được duy trì.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018

***/ Ý kiến kiểm toán:**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Times Square, số 57-69F Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ý kiến kiểm toán độc lập: Được trình bày tại “Báo cáo kiểm toán độc lập” số 415/VN1A-HC-BC ngày 15/3/2019.

***/ Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính năm 2018 lập ngày 18/1/2019 của Công ty cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018;
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018.

Chi tiết xin đăng tải tại Website của Công ty: www.pinaco.com.vn

5.2.5. Kế hoạch công tác năm 2019 của ban kiểm soát

a. Nhiệm vụ chung :

- Ban kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2019, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ hàng quý, thời gian cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước ít nhất là 01 tuần. Ngoài ra nếu có dấu hiệu vi phạm chế độ và điều lệ Công ty Ban kiểm soát sẽ tiến hành làm việc kịp thời để có thông báo với HĐQT và báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

b. Nhiệm vụ cụ thể từng quý :

1- Quý I :

- Thẩm định báo cáo Tài chính năm 2018.
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm 2018.
- Báo cáo quá trình hoạt động kiểm soát theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Báo cáo đánh giá quá trình quản lý Công ty của HĐQT và điều hành của Tổng giám đốc.

2- Quý II :

- Thẩm định báo cáo Tài chính Quý I năm 2019, tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý I năm 2019.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên đề ra.
- Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư, các định mức đơn giá giao khoán, quy chế trả lương và các quy chế quy định khác theo đúng quy định của Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3- Quý III :

- Thẩm định báo cáo Tài chính Quý II năm 2019, tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý II năm 2019.
- Kiểm tra việc ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế.

4- Quý IV :

- Thẩm định báo cáo Tài chính Quý III năm 2019, tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý III năm 2019.
- Kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư.

- Kiểm tra tình hình trả lương và chế độ cho người lao động, công tác thu hồi vốn, công nợ.

3.2.5. Kiến nghị , kết luận chung

Đánh giá chung

- Đối với Thỏa ước lao động Tập thể: Ban kiểm soát nhận thấy rằng Công ty và Công đoàn đã điều chỉnh bổ sung một số nội dung và ban hành Thỏa ước lao động tập thể năm 2018 số 736/PA-CD ngày 29/8/2018 (lần 2), sau khi đã lấy ý kiến biểu quyết tại Hội nghị người lao động và ban hành Thỏa ước lao động tập thể số 450/PA-CD ngày 02/6/2018 (lần 1).

- Ngoài các vấn đề nhấn mạnh trên, Ban kiểm soát chưa tìm thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty:

+ Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động quản lý Công ty cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

+ Công ty không phát sinh tranh chấp nào liên quan đến hoạt động SXKD và đầu tư dự án.

+ Chế độ hạch toán kế toán tuân thủ về cơ bản theo chuẩn mực kế toán hiện hành, lập và nộp các báo cáo kế toán kịp thời cho các cấp thẩm quyền.

+ Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với Công ty niêm yết theo đúng quy định.

Kiến nghị

- Đề nghị Công ty chú trọng công tác tuân thủ quy định về các nội dung đã được biểu quyết và ghi nhận trong Thỏa ước lao động tập thể tại Hội nghị người lao động ngày 02/6/2018, tránh việc điều chỉnh bổ sung và ban hành lại sau ngày tổ chức Hội nghị người lao động.

- Tiếp tục rà soát lại các Quy chế cũ để hoàn chỉnh ban hành các quy chế mới phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình thực tế hiện nay của Công ty.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành các nội quy, quy định, các quy chế, các trình tự thủ tục hồ sơ, chứng từ của Công ty, chính sách pháp luật của Nhà Nước tại các phòng ban Công ty, xí nghiệp và Chi nhánh nhằm tránh việc sai sót không được công nhận là chi phí hợp lý hợp lệ.

- Tiếp tục có các biện pháp quản lý hợp lý và hiệu quả trong quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý chi phí; Duy trì và làm tốt việc thực hiện tiết kiệm các chi phí như: Năng lượng, chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ đưa vào sản xuất..., chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản phẩm.

- Chú trọng xây dựng công tác dự báo tiêu thụ, kế hoạch vật tư, sản xuất nhằm nắm vững và chỉ đạo kịp thời kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị, chủ động điều tiết bán hàng và giá cả hợp lý trên thị trường.

- Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, có chính sách phù hợp giữ được người tài, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

3.2.6. Danh sách thành viên BKS có chứng chỉ đào tạo chuyên môn

Tất cả các thành viên BKS đều có chứng chỉ đào tạo chuyên môn kế toán.

3.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban TGD

3.3.1. Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm

- Chế độ thù lao HĐQT, BKS chuyên trách: Thực hiện đúng theo mức Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, trong đó:

- + Chủ tịch HĐQT: 9.000.000 đồng/tháng.
- + Thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/tháng.
- + Thành viên BKS: 4.000.000 đồng/tháng.

- Thù lao, lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác của HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty là: 2.654.360.000 đồng.

3.3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

- Bà Đỗ Thị Ngân vợ ông Trần Thanh Văn Tổng giám đốc – TV.HĐQT đã mua 130 cổ phiếu, cuối năm 2018 có 2.670 cổ phiếu.
- Công đoàn Công ty cổ phần pin Ác Quy Miền Nam đã mua 981.230 cổ phiếu và bán 120 cổ phiếu, cuối năm 2018 có 1.100.284 cổ phiếu.

3.3.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc Quản trị Công ty theo quy định trong Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Văn	Thành viên
Bà Lương Thị Anh Đào	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên
Ông Shinichiro Ota	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Ly	Thành viên
Bà Bùi Thu Hằng	Thành viên (từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018)
Bà Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Văn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Năm	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Ông Đào Ngọc Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Số: 415 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2019, từ trang 3 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0488-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**
Ngày 15 tháng 3 năm 2019
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2110-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.559.088.385.103	1.055.593.862.897
I. Tiền	110	4	106.946.601.326	36.864.427.848
1. Tiền	111		106.946.601.326	36.864.427.848
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		632.499.353.879	247.577.649.116
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	632.499.353.879	247.577.649.116
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		119.237.008.245	95.822.330.739
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	64.325.554.444	61.723.371.084
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	16.320.634.099	12.894.378.514
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	38.566.012.983	23.012.024.362
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(838.334)	(1.884.045.371)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		25.645.053	76.602.150
IV. Hàng tồn kho	140	10	650.470.711.803	627.654.921.453
1. Hàng tồn kho	141		675.704.759.454	653.840.809.722
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.234.047.651)	(26.185.888.269)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.934.709.850	47.674.533.741
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.600.534.992	2.457.660.977
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48.334.174.858	45.216.872.764
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		713.722.923.323	725.058.300.927
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.666.265.240	4.597.381.747
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		8.302.006.723	1.408.684.773
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		603.861.245	1.180.575.001
3. Phải thu dài hạn khác	216	8	3.071.200.000	2.878.700.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(4.310.802.728)	(870.578.027)
II. Tài sản cố định	220		541.555.068.354	417.466.257.571
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	312.584.650.554	348.397.162.815
- Nguyên giá	222		936.593.445.752	902.365.743.867
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(624.008.795.198)	(553.968.581.052)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	228.970.417.800	69.069.094.756
- Nguyên giá	228		262.163.532.058	98.371.415.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.193.114.258)	(29.302.320.362)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		80.467.247.065	14.861.518.602
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	80.467.247.065	14.861.518.602
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.500.000.000	237.769.652.777
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	32.500.000.000	32.500.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	205.269.652.777
V. Tài sản dài hạn khác	260		51.534.342.664	50.363.490.230
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	16.200.556.586	15.330.046.092
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	9.382.099.092	7.544.398.751
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	25.951.686.986	27.489.045.387
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.272.811.308.426	1.780.652.163.824

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.673.049.009.525	1.110.393.556.499
I. Nợ ngắn hạn	310		1.623.668.894.803	1.108.659.504.946
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	107.963.169.943	97.047.143.565
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	61.632.662.595	59.604.054.222
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	7.932.733.507	8.359.766.598
4. Phải trả người lao động	314		66.288.465.252	107.489.922.479
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	97.042.571.713	5.979.553.194
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	5.643.925.901	4.901.176.783
7. Vay ngắn hạn	320	22	1.264.064.005.414	810.949.350.998
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	10.190.195.334	7.910.352.651
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	2.911.165.144	6.418.184.456
II. Nợ dài hạn	330		49.380.114.722	1.734.051.553
1. Phải trả người bán dài hạn	331		412.370.575	837.404.744
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		579.656.279	76.646.809
3. Phải trả dài hạn khác	337		420.000.000	820.000.000
4. Vay dài hạn	338	22	47.968.087.868	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		599.762.298.901	670.258.607.325
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	599.762.298.901	670.258.607.325
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.909.356.110	12.134.194.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		97.551.173.567	191.822.644.042
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		9.355.514.350	125.722.546.834
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		88.195.659.217	66.100.097.208
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.272.811.308.426	1.780.652.163.824


Nguyễn Văn Diệp
Người lập biểu


Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01		3.273.582.660.916	2.863.558.252.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		308.144.346.302	250.618.154.014
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	27	2.965.438.314.614	2.612.940.098.761
4. Giá vốn hàng bán	11	28	2.549.230.627.766	2.294.313.137.011
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		416.207.686.848	318.626.961.750
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	52.803.112.475	49.561.269.881
7. Chi phí tài chính	22	31	58.059.128.727	36.805.443.638
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43.633.978.476	24.411.558.267
8. Chi phí bán hàng	25	33	163.558.733.838	138.197.882.045
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	51.262.624.547	43.425.539.282
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		196.130.312.211	149.759.366.666
11. Thu nhập khác	31	32	1.770.269.234	26.003.535.476
12. Chi phí khác	32		566.267.484	898.211.600
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.204.001.750	25.105.323.876
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		197.334.313.961	174.864.690.542
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	41.268.794.585	39.036.658.086
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35	(1.837.700.341)	20.374.748
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		157.903.219.717	135.807.657.708
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	3.126	2.683



Nguyễn Văn Diệp
 Người lập biểu




Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	197.334.313.961	174.864.690.542
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	87.101.130.557	75.886.552.283
- Trích lập/(hoàn nhập) các khoản dự phòng	03	2.885.019.729	(3.759.012.679)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(962.644.716)	(327.673.492)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(50.027.112.731)	(42.881.666.801)
- Chi phí lãi vay	06	43.633.978.476	24.411.558.267
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	279.964.685.276	228.194.448.120
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(15.542.953.926)	(53.022.875.995)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(20.326.591.331)	(47.178.596.204)
- Thay đổi các khoản phải trả	11	(40.250.575.129)	(65.202.833.794)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	697.840.392	(10.551.847.323)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(37.712.134.325)	(24.304.317.909)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(42.618.904.382)	(57.532.956.208)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	18.200.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(22.783.865.953)	(6.851.717.496)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	101.427.500.622	(18.250.696.809)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(178.883.921.882)	(120.357.256.429)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	551.731.273	449.743.181
3. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(818.661.000.000)	(402.847.301.893)
4. Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng	24	639.008.948.014	430.117.430.555
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.800.000.000
6. Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	33.795.849.366	22.684.226.714
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(324.188.393.229)	(68.153.157.872)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.080.089.109.070	3.287.094.384.886
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.577.891.013.867)	(3.132.185.578.935)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(209.118.436.425)	(139.412.544.887)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	293.079.658.778	15.496.261.064
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	70.318.766.171	(70.907.593.617)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	36.864.427.848	107.606.270.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(236.592.693)	165.751.280
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	106.946.601.326	36.864.427.848


Nguyễn Văn Diệp
Người lập biểu


Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng


Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 14) ngày 22 tháng 8 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.204 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.144 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có văn phòng chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 03 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 01 xí nghiệp sản xuất pin đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai; 02 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

0-00
ÁNH
TY
HỮU
TT
NAM
HỒ C

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế dài hạn có thời gian tồn kho trên 05 năm được trích lập dự phòng 100%.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị phần mềm máy tính, và phí chuyển giao công nghệ được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm. Phí chuyển giao công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

1250
HI NH
ÔNG
NHIỆM
LOI
T N
TP. H

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính của Công ty trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi phương án chia lợi nhuận được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.066.920.876	1.022.893.655
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	105.879.680.450	35.841.534.193
	<u>106.946.601.326</u>	<u>36.864.427.848</u>

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 6,70%/năm đến 9,50%/năm (năm 2017: từ 6,80%/năm đến 7,10%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Chea Se	22.319.737.960	10.686.322.663
Công ty TNHH Ắc quy Vĩnh Phúc	8.391.832.900	3.945.304.000
Công ty Faith Chemical Enterprises	1.471.742.103	9.306.494.466
Công ty TNHH MTV Sản xuất & Lắp ráp Ô tô tải Chu Lai	2.115.292.192	8.868.059.322
Các khách hàng khác	30.026.949.289	28.917.190.633
	<u>64.325.554.444</u>	<u>61.723.371.084</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
KAE LII MACHINE MFG CO.,LTD.	1.702.468.200	-
MITSUI & CO (ASIA PACIFIC) PTE.LTD.	1.894.922.640	1.229.280
Weifang Dongfangsheng Chemical Indu	3.015.079.024	1.058.107.500
Korea Zinc Co.,Ltd. Onsan Complex	-	6.774.147.038
Khác	9.708.164.235	5.060.894.696
	16.320.634.099	12.894.378.514

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu lãi tiền gửi	34.794.425.335	19.114.893.243
Tạm ứng cho nhân viên	3.664.273.642	3.863.745.527
Phải thu khác	107.314.006	33.385.592
	38.566.012.983	23.012.024.362
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ	3.071.200.000	2.878.700.000
	3.071.200.000	2.878.700.000

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	-	-	-	114.952.000	-	114.952.000
Công ty TNHH Faith Chemicals (MM MEGA) METRO VIET NAM	2.794.445	1.956.112	838.334	3.253.796.921	2.277.657.845	976.139.076
Khác	-	-	-	2.911.402.315	2.118.448.021	792.954.295
	2.794.445	1.956.112	838.334	6.280.151.236	4.396.105.865	1.884.045.371
b. Dài hạn						
Công ty TNHH Faith Chemicals	7.626.873.816	3.813.436.908	3.813.436.908	1.408.684.773	538.106.746	870.578.027
Khác	675.132.907	177.767.087	497.365.820	1.408.684.773	538.106.746	870.578.027
	8.302.006.723	3.991.203.995	4.310.802.728	1.408.684.773	538.106.746	870.578.027
	8.304.801.168	3.993.160.107	4.311.641.062	7.688.836.009	4.934.212.611	2.754.623.398

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Hàng mua đang đi đường	26.394.030.811	-	69.675.736.708	-
Nguyên liệu, vật liệu	250.251.249.541	-	258.925.210.107	-
Công cụ, dụng cụ	7.259.932.637	-	7.774.499.085	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	140.806.861.454	-	151.977.451.187	-
Thành phẩm	250.809.773.989	(4.568.526.071)	165.162.124.324	(3.316.141.305)
Hàng hoá	182.911.022	-	325.788.311	-
	675.704.759.454	(4.568.526.071)	653.840.809.722	(3.316.141.305)
b. Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	25.951.686.986	(20.665.521.580)	27.489.045.387	(22.869.746.964)
	701.656.446.440	(25.234.047.651)	681.329.855.109	(26.185.888.269)



Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	26.185.888.269	30.452.541.582
Hoàn nhập trong năm	(951.840.618)	(4.266.653.313)
Số dư cuối năm	25.234.047.651	26.185.888.269

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	163.261.373.988	694.263.895.715	29.663.946.085	13.055.735.779	2.120.792.300	902.365.743.867
Mua trong năm	-	562.563.186	-	-	-	562.563.186
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	45.587.629.077	865.000.000	-	4.537.146.238	50.989.775.315
Thanh lý	(2.930.904.888)	(9.549.773.237)	(184.000.000)	(494.718.961)	-	(13.159.397.086)
Chuyển sang Chi phí trả trước	-	235.985.999	-	(14.454.545)	-	221.531.454
Chuyển sang tài sản vô hình	-	-	-	-	(4.386.770.984)	(4.386.770.984)
Số dư cuối năm	<u>160.330.469.100</u>	<u>731.100.300.740</u>	<u>30.344.946.085</u>	<u>12.546.562.273</u>	<u>2.271.167.554</u>	<u>936.593.445.752</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	78.838.029.522	446.894.254.338	16.458.925.709	10.287.379.065	1.489.992.418	553.968.581.052
Khấu hao trong năm	11.206.195.902	68.508.385.490	2.757.225.862	470.099.273	586.030.325	83.527.936.852
Thanh lý	(2.930.904.888)	(9.549.773.237)	(184.000.000)	(494.718.961)	-	(13.159.397.086)
Chuyển sang Chi phí trả trước	-	-	-	(14.454.545)	-	(14.454.545)
Chuyển sang tài sản vô hình	-	-	-	-	(313.871.075)	(313.871.075)
Số dư cuối năm	<u>87.113.320.536</u>	<u>505.852.866.591</u>	<u>19.032.151.571</u>	<u>10.248.304.832</u>	<u>1.762.151.668</u>	<u>624.008.795.198</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	<u>84.423.344.466</u>	<u>247.369.641.377</u>	<u>13.205.020.376</u>	<u>2.768.356.714</u>	<u>630.799.882</u>	<u>348.397.162.815</u>
Tại ngày cuối năm	<u>73.217.148.564</u>	<u>225.247.434.149</u>	<u>11.312.794.514</u>	<u>2.298.257.441</u>	<u>509.015.886</u>	<u>312.584.650.554</u>

Nguyên giá của tài sản hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 259.174 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 212.097 triệu đồng).

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	88.097.388.458	5.055.248.004	5.218.778.656	98.371.415.118
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	159.857.547.740	491.280.000	-	160.348.827.740
Chuyển từ tài sản hữu hình	-	3.443.289.200	-	3.443.289.200
Số dư cuối năm	<u>247.954.936.198</u>	<u>8.989.817.204</u>	<u>5.218.778.656</u>	<u>262.163.532.058</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	19.904.601.146	5.055.248.004	4.342.471.212	29.302.320.362
Khấu hao trong năm	2.382.519.819	435.646.466	755.027.420	3.573.193.705
Chuyển từ tài sản hữu hình	-	317.600.191	-	317.600.191
Số dư cuối năm	<u>22.287.120.965</u>	<u>5.808.494.661</u>	<u>5.097.498.632</u>	<u>33.193.114.258</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	<u>68.192.787.312</u>	<u>-</u>	<u>876.307.444</u>	<u>69.069.094.756</u>
Tại ngày cuối năm	<u>225.667.815.233</u>	<u>3.181.322.543</u>	<u>121.280.024</u>	<u>228.970.417.800</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.525 triệu đồng (31 tháng 12 năm 2017: 5.055 triệu đồng).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Máy móc thiết bị	69.260.339.085	10.550.387.823
Xây dựng cơ bản	11.206.907.980	4.311.130.779
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
	80.467.247.065	14.861.518.602

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	14.861.518.602	44.698.941.601
Tăng trong năm	284.793.608.663	149.551.189.125
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình và vô hình	(211.338.603.055)	(179.388.612.124)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(7.849.277.145)	-
Số dư cuối năm	80.467.247.065	14.861.518.602

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	32.500.000.000	-	32.500.000.000	-

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Thành phố Hồ Chí Minh	26,00	26,00	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ban Giám đốc Công ty không trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư trên do báo cáo tài chính của công ty liên kết phát sinh khoản lỗ không đáng kể.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn gồm các loại máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng và thời gian phân bổ trên 01 năm đến 03 năm.

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	9.382.099.092	7.544.398.751
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.382.099.092	7.544.398.751

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả người bán là bên thứ ba	105.746.925.363	105.746.925.363	94.750.986.335	94.750.986.335
Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam	17.040.768.853	17.040.768.853	10.537.261.847	10.537.261.847
Công ty CP Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	-	-	14.142.480.000	14.142.480.000
Phải trả các khách hàng khác	88.706.156.510	88.706.156.510	70.071.244.488	70.071.244.488
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	2.216.244.580	2.216.244.580	2.296.157.230	2.296.157.230
	107.963.169.943	107.963.169.943	97.047.143.565	97.047.143.565

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ghaznawyan Trading Group	5.095.348.700	7.296.912.753
Naeng Pov Import Export	-	6.978.330.269
Các khách hàng khác	56.537.313.895	45.328.811.200
	61.632.662.595	59.604.054.222

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	145.004.366.153	145.004.366.153	-
Thuế thu nhập cá nhân	435.279.587	10.604.503.609	10.379.427.378	660.355.818
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.492.540.356	41.268.794.585	42.618.904.382	8.142.430.559
Tiền thuê đất và thuế khác	(1.568.053.345)	2.527.088.457	1.829.087.982	(870.052.870)
	8.359.766.598	199.404.752.804	199.831.785.895	7.932.733.507

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	6,425,279,909	503,435,758
Chiết khấu, chi phí bán hàng phải trả cho nhà phân phối	4,860,002,033	2,470,540,763
Chi phí vận chuyển	5,105,158,415	2,298,811,403
Chi phí phải trả khác (*)	80,652,131,356	706,765,270
	97,042,571,713	5,979,553,194

(*) Chi phí phải trả khác bao gồm 80 tỷ đồng phải trả Công ty Tín Nghĩa liên quan đến hợp đồng thuê đất khu công nghiệp An Phước.

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	16.967.340	12.722.265
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.759.395.766	1.775.923.177
Phải trả khác	3.867.562.795	3.112.531.341
	5.643.925.901	4.901.176.783

22. CÁC KHOẢN VAY

Vay ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay Ngân hàng (*)	778.449.350.998	778.449.350.998	3.023.005.668.283	(2.577.891.013.867)	1.223.564.005.414	1.223.564.005.414
Vay khác (**)	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000
	810.949.350.998	810.949.350.998	3.031.005.668.283	(2.577.891.013.867)	1.264.064.005.414	1.264.064.005.414

(*) Đây là các khoản vay tín chấp không cần tài sản đảm bảo với thời hạn từ 04 tháng đến 01 năm. Chi tiết cụ thể như sau:

Tên ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	5,40%	5.723.320.701	25.495.052.209
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5,3% - 5,8%	182.538.174.757	51.253.775.574
	USD	3,80%	141.116.364.691	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	3,8% - 3,95%	95.138.302.384	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	5,5% - 6,8 %	312.232.053.143	230.108.125.202
	USD	2,9% - 3,95 %	340.656.778.832	332.816.006.486
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	5,20%	22.085.967.657	59.273.487.045
	USD	3,0% - 3,95%	30.785.580.595	22.417.115.593
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 - TP. Hồ Chí Minh	VND	5,5%	-	34.350.788.889
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	USD	3,50%	46.470.000.000	22.735.000.000
	EUR	0,8%	-	-
Ngân hàng Standard Chartered VN	VND	5,0% - 5,3%	28.817.462.654	-
Người Lao động Công ty CP Pin Ắc Quy Miền Nam	VND	7,00%	18.000.000.000	-
			1.223.564.005.414	778.449.350.998

(**) Đây là khoản vay ngắn hạn tín chấp không lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát.



Vay dài hạn

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	Vay	Phân loại lại	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	55.968.087.868	(8.000.000.000)	47.968.087.868

Vay dài hạn nhằm mục đích thanh toán đợt 1 cho tiền thuê đất ở Khu Công nghiệp An Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai. Tại ngày 12 tháng 11 năm 2018, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 0157/1838/D-TL với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức tối đa là 111.505.000.000 VND. Khoản nợ gốc này sẽ được trả mỗi 3 tháng bắt đầu từ ngày ký hợp đồng vay đến ngày 15 tháng 11 năm 2024 (72 tháng). Lãi suất cho vay được thỏa thuận theo từng giấy nhận nợ, lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 7,6%/năm. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã nhận giải ngân với tổng số tiền 55.968.087.868 đồng.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND
Trong vòng một năm	8.000.000.000
Trong năm thứ hai	12.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	35.968.087.868
Sau năm năm	-
	55.968.087.868
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	8.000.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	47.968.087.868

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện chi phí bảo hành sản phẩm được tính toán dựa trên số liệu thống kê về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	6.418.184.456	18.580.626.583
Tăng trong năm	19.276.846.641	-
Hoàn nhập	-	(5.310.724.631)
Giảm trong năm	(22.783.865.953)	(6.851.717.496)
Số dư cuối năm	2.911.165.144	6.418.184.456

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

Số lượng cổ phiếu đã phát hành

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.471.707	46.471.707
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	46.471.707	46.471.707
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.471.707	46.471.707
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	46.471.707	46.471.707
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>464.717.070.000</u>	<u>464.717.070.000</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Chi tiết vốn góp của cổ đông như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	238.982.730.000	51,43	238.982.730.000	51,43
The Furukawa Battery Co., Ltd.	48.997.080.000	10,54	48.997.080.000	10,54
Phần vốn của các đối tượng khác	<u>176.737.260.000</u>	<u>38,03</u>	<u>176.737.260.000</u>	<u>38,03</u>
	<u>464.717.070.000</u>	<u>100</u>	<u>464.717.070.000</u>	<u>100</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	464.717.070.000	1.584.699.224	18.772.599.847	183.480.976.917	668.555.345.988
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	135.807.657.708	135.807.657.708
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(6.638.405.788)	6.638.405.788	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	5.310.724.631	5.310.724.631
Công bố chia cổ tức	-	-	-	(139.415.121.002)	(139.415.121.002)
Số dư đầu năm nay	464.717.070.000	1.584.699.224	12.134.194.059	191.822.644.042	670.258.607.325
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	157.903.219.717	157.903.219.717
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	23.775.162.051	(23.775.162.051)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(19.276.846.641)	(19.276.846.641)
Công bố chia cổ tức (**)	-	-	-	(209.122.681.500)	(209.122.681.500)
Số dư cuối năm nay	464.717.070.000	1.584.699.224	35.909.356.110	97.551.173.567	599.762.298.901

(*) Các quỹ được trích lập căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 số 219/PA-HĐQT ngày 23 tháng 4 năm 2018.

(**) Trong năm, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức đợt 3 năm 2017, tạm ứng cổ tức đợt 1 và đợt 2 năm 2018 với tỷ lệ lần lượt là 30%, 8% và 7% trên mệnh giá cổ phiếu theo Nghị quyết số 219/PA-HĐQT ngày 23 tháng 4 năm 2018 nêu trên.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ	USD	778.983	75.222
- Euro	EUR	303	314

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
Doanh thu pin và ắc quy	3.273.582.660.916	2.863.558.252.775
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	305.591.249.120	249.590.788.570
Hàng bán bị trả lại	2.553.097.182	1.027.365.444
	308.144.346.302	250.618.154.014
Doanh thu thuần	2.965.438.314.614	2.612.940.098.761

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.550.182.468.384	2.298.579.790.324
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(951.840.618)	(4.266.653.313)
	2.549.230.627.766	2.294.313.137.011

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.203.454.909.077	1.905.008.995.871
Chi phí nhân công	256.780.810.007	226.865.549.123
Chi phí khấu hao	87.101.130.557	75.886.552.283
Các chi phí khác	289.736.396.195	230.072.835.143
	2.837.073.245.836	2.437.833.932.420

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	49.475.381.458	40.631.923.620
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.327.686.017	7.126.713.935
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.800.000.000
Chiết khấu thanh toán	45.000	2.632.326
	52.803.112.475	49.561.269.881

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	43.633.978.476	24.411.558.267
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.425.150.251	12.393.885.371
	58.059.128.727	36.805.443.638



32. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ bồi thường hợp đồng	161.354.851	283.627.998
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	551.731.273	449.743.181
Thu tiền hỗ trợ di dời	-	23.200.000.000
Thu nhập khác	1.057.183.110	2.070.164.297
	<u>1.770.269.234</u>	<u>26.003.535.476</u>

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	24.544.972.217	23.822.987.229
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.589.566.378	492.417.902
Chi phí khấu hao	2.928.933.807	2.824.310.251
Chi phí dự phòng phải thu	1.557.017.664	435.143.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.713.308.810	8.920.944.200
Chi phí khác	5.928.825.671	6.929.736.000
	<u>51.262.624.547</u>	<u>43.425.539.282</u>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	33.438.824.825	30.044.926.378
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.272.962	1.020.008.763
Chi phí khấu hao	1.564.112.929	1.334.952.803
Chi phí bảo hành	20.148.137.390	13.323.342.322
Chi phí quảng cáo	37.230.678.618	15.042.718.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.944.400.810	44.245.638.373
Chi phí khác	24.193.306.304	33.186.294.470
	<u>163.558.733.838</u>	<u>138.197.882.045</u>

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu"). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán do tài sản cố định được sử dụng chung để sản xuất hàng xuất khẩu và bán trong nước và không đủ cơ sở để chia tách.

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần	<u>2.457.454.128.501</u>	<u>2.150.352.315.851</u>	<u>507.984.186.113</u>	<u>462.587.782.910</u>	<u>2.965.438.314.614</u>	<u>2.612.940.098.761</u>

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	41.546.301.999	35.177.950.432
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm hiện tại	(277.507.414)	3.858.707.654
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.268.794.585	39.036.658.086

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	197.334.313.961	174.864.690.542
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%	39.466.862.792	34.972.938.108
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp		
<i>Cộng: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>2.079.439.207</i>	<i>205.012.324</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	41.546.301.999	35.177.950.432
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải tính thuế	-	20.374.748
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.837.700.341)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.837.700.341)	20.374.748

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (2017: 20%) trên thu nhập chịu thuế.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	157.903.219.717	135.807.657.708
Điều chỉnh: số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(12.632.257.577)	(11.121.329.617)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	145.270.962.140	124.686.328.091
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	3.126	2.683

(*) Cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018, Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỉ lệ 8% lợi nhuận sau thuế căn cứ vào điều lệ Công ty và mức trích lập được phê duyệt của năm 2017.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2017 được trình bày lại do ảnh hưởng của số thực tế quỹ khen thưởng, phúc lợi được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 số 219/PA-HĐQT ngày 23 tháng 4 năm 2018, chi tiết như sau:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	3.037	(354)	2.683
---------------------------------------	--------------	--------------	--------------

37. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	1.578.894.545	1.260.972.727
Trong vòng hai đến năm năm	1.200.000.000	-
	2.778.894.545	1.260.972.727

Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Máy móc và thiết bị	17.160.780.410	27.673.496.999
Nhà cửa và vật kiến trúc	4.994.943.870	2.136.697.651
Hệ thống điện	2.789.742.341	957.947.904
Khác	210.000.000	-
	25.155.466.621	30.768.142.554

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	Cùng tập đoàn
The Furukawa Battery Co., Ltd.	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng		
The Furukawa Battery Co., Ltd.	68.971.550	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	20.786.332.490	18.363.671.370
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn	391.102.250	368.304.200
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	2.161.437.340	2.330.871.640
	2.622.283.630	3,702,847,210
Chi trả cổ tức		
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	107.542.228.500	71.694.819.000
The Furukawa Battery Co., Ltd.	22.048.686.000	14.699.124.000
	129.590.914.500	86.393.943.000
Phí bản quyền trả cho		
The Furukawa Battery Co., Ltd.	1.400.700.000	2.144.888.318
	1.400.700.000	2.144.888.318

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.207.169.580	2.272.596.330
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn	9.075.000	23.560.900
	2.216.244.580	2.296.157.230

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>1.887.580.000</u>	<u>2.036.846.699</u>

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 98.622.972.822 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 29.772.692.696 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 6.425.279.909 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 503.435.758 đồng), là số lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 34.794.425.335 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 19.114.893.243 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa được thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Nguyễn Văn Diệp
Người lập biểu

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2019



TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THANH VĂN